

promoting sustainable global trade

hinrich foundation

# Chỉ số Thương mại Bền vững Hinrich Foundation

Báo cáo của The Economist Intelligence Unit

2018



CHỈ SỐ THƯƠNG MẠI  
BỀN VỮNG

Thực hiện và lập báo cáo bởi

The  
Economist

INTELLIGENCE  
UNIT

## Lời cảm ơn

---

Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation được thiết kế và xây dựng bởi nhóm nghiên cứu của Economist Intelligence Unit do Christopher Clague và John Ferguson lãnh đạo. Ấn bản 2018 của chỉ số này do Michael Frank và Trisha Suresh xây dựng. Báo cáo này do Sudhir Vadaketh lập và Christopher Clague chỉnh lý.

Trong quá trình nghiên cứu để xây dựng chỉ số và lập báo cáo này, Economist Intelligence Unit đã tiến hành phỏng vấn nhiều giám đốc điều hành và chuyên gia từ khắp nơi trên thế giới. Chúng tôi đánh giá rất cao thời gian quý báu và những chia sẻ chuyên sâu của họ dành cho nghiên cứu này. Chúng tôi chịu toàn bộ trách nhiệm về việc xây dựng chỉ số và những kết quả được trình bày trong báo cáo này.

### **Giới thiệu về Economist Intelligence Unit**

Economist Intelligence Unit là đơn vị nghiên cứu và phân tích trực thuộc tập đoàn Economist Group, cùng với tờ báo The Economist. Thành lập năm 1946, chúng tôi có hơn 70 năm kinh nghiệm hỗ trợ các công ty, doanh nghiệp tài chính và chính phủ hiểu rõ những thay đổi của thế giới, những cơ hội có thể nắm bắt và những rủi ro cần quản lý.

### **Giới thiệu về Quỹ Hinrich Foundation**

Quỹ Hinrich Foundation là một tổ chức phi lợi nhuận, chuyên thực hiện nghiên cứu về các chính sách liên quan đến thương mại và công tác phát triển tại Châu Á. Quỹ tập trung tạo ra những cơ hội, lựa chọn và cam kết thông qua thương mại toàn cầu bền vững và các bên đều có lợi. Thông qua Chỉ số Thương mại Bền vững, Quỹ mong muốn thúc đẩy tư duy tích cực về thương mại toàn cầu và khuyến khích các hành vi mang lại sự phát triển, gắn kết và ổn định hơn.

## Người được phỏng vấn (sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tên cơ quan công tác)

---

- **Stephen P. Groff**, Phó Chủ tịch Điều hành khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương, Ngân hàng Phát triển Châu Á
- **Jayant Menon**, nhà kinh tế học hàng đầu, Ngân hàng Phát triển Châu Á
- **Deborah Elms**, Giám đốc Điều hành, Trung tâm Thương mại Châu Á
- **Saik Aun Tan**, Phó chủ tịch Cấp cao về Thu mua Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, BASF
- **Bruce Blakeman**, Phó chủ tịch phụ trách Quan hệ Đối ngoại, Cargill
- **Jean-Marie Fouque**, Giám đốc Tìm kiếm Cung ứng Toàn cầu, Dệt may, Carrefour
- **Christof Ehrhart**, Phó Chủ tịch điều hành phụ trách về Truyền thông và Trách nhiệm Doanh nghiệp, DHL
- **Andrew Schroth**, thành viên Ban Giám đốc, Global Apparel and Footwear Textile Initiative và cộng sự, GDLSK
- **Vivek Pathak**, Giám đốc khu vực, Đông Á và Thái Bình Dương, International Finance Corporation
- **Rob Sinclair**, Chủ tịch Giải pháp Chuỗi Cung ứng, Li & Fung
- **Jeremy Nixon**, CEO, Ocean Network Express
- **Jason Kibbey**, CEO, Sustainable Apparel Coalition
- **Colin Browne**, Giám đốc Chuỗi Cung ứng, Under Armour
- **Idah Pswarayi-Riddihough**, Giám đốc Quốc gia vùng Sri Lanka và Maldives, Ngân hàng Thế Giới

## Danh sách các chuyên gia (sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tên cơ quan công tác)

---

- **Gwyneth Fries**, Cố vấn Cấp cao về Bền vững, Diễn đàn Tương lai
- **Andrew Crosby**, Giám đốc Kinh doanh, ICTSD
- **Daria Taglioni**, Nhà Kinh tế học hàng đầu và Nhà Lãnh đạo Giải pháp Toàn cầu về Chuỗi Giá trị Toàn cầu, Ngân hàng Thế giới
- **Mia Mikic**, Giám đốc Bộ phận Thương mại, Đầu tư và Đổi mới, United Nations ESCAP
- Và các chuyên gia khác không nêu tên theo yêu cầu

## Lời tựa

---

Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation 2018 là một chỉ số được xây dựng bởi Economist Intelligence Unit và là một nghiên cứu quy chuẩn được ủy thác bởi Hinrich Foundation. Đây là ấn bản thứ hai của nghiên cứu, được xuất bản lần đầu năm 2016. Đây là ấn bản thứ hai của nghiên cứu, chỉ số đầu tiên được xuất bản vào năm 2016. Báo cáo trình bày các kết quả chính của chỉ số và mô hình kèm theo.

Chỉ số này đo lường năng lực của 20 nền kinh tế – 19 nền kinh tế Châu Á và Hoa Kỳ – trong việc tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế theo cách thức hỗ trợ các mục tiêu dài hạn ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế nhằm tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường cũng như củng cố vững chắc nguồn vốn xã hội. Chỉ số bao gồm 24 chỉ báo, được phân loại thành ba nhóm đại diện cho ba lĩnh vực nói trên, để đo lường và đánh giá xem liệu một quốc gia có tham gia vào thương mại bền vững hay không. (Vui lòng xem phụ lục để biết thêm thông tin về cách xây dựng chỉ số).

**Thông điệp chính của chỉ số này là cho dù hoạt động thương mại là một thành phần không thể thiếu trong phát triển kinh tế, chúng ta không thể xây dựng một nền kinh tế bền vững nếu không quản lý môi trường một cách có trách nhiệm và cam kết phát triển đầy đủ nguồn vốn xã hội. Các quốc gia cố tình đi tắt đón đầu bất chấp tác động đến môi trường và xã hội sẽ**

không thể tiếp tục xây dựng kinh tế thương mại thành công và bền vững trong thời gian dài, sẽ mất dần khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào những lĩnh vực trọng yếu, khó có khả năng bảo đảm nguồn kinh phí và hỗ trợ từ các cơ quan phát triển đa phương. Do đó, chỉ số này đóng vai trò đại diện cho quá trình đáp ứng các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc của mỗi quốc gia.

Chỉ số mang lại cơ hội cho các công dân, doanh nghiệp, cộng đồng xã hội và các nhà hoạch định chính sách để tham gia vào các cuộc thảo luận tìm ra phương pháp tối ưu nhằm thúc đẩy phát triển địa phương thông qua thương mại toàn cầu bền vững.

# Mục lục

---

<b>Tóm tắt tổng quan</b>	5
<b>Giới thiệu về Chỉ số Thương mại Bền vững - Hinrich Foundation</b>	8
<b>Giới thiệu: Thương mại bền vững quan trọng hơn bao giờ hết</b>	9
<b>Kết quả chung</b>	13
<b>Lĩnh vực kinh tế</b>	19
<b>Lĩnh vực xã hội</b>	26
<b>Lĩnh vực môi trường</b>	32
<b>Kết luận</b>	37
<b>Phương pháp luận</b>	38

## Tóm tắt tổng quan

Hệ thống thương mại dựa trên các quy luật toàn cầu đang phải đương đầu với nguy cơ lớn nhất trong lịch sử những năm gần đây khi lực lượng bảo hộ có mặt ở nhiều quốc gia phát triển tại phương Tây.

Tuy nhiên, tại Châu Á, sức nóng đối với thương mại không có dấu hiệu gì là đã suy giảm. Sự đồng lòng rộng rãi trong xã hội về thương mại toàn cầu đã giúp các quốc gia Châu Á tiếp tục đẩy mạnh các mối quan hệ thương mại sẵn có, ví dụ, bằng cách nhanh chóng đồng thuận Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership, CPTPP) đầu năm 2018 sau khi Hoa Kỳ rút khỏi vị trí tiên nhiệm vào năm 2017.

Sau đó, Châu Á đã có vị trí không thể thay thế trong việc đi đầu và duy trì cam kết của nền kinh tế toàn cầu đối với thương mại tự do và công bằng. Chính trong bối cảnh này, nhu cầu về sự bền vững trong thương mại trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation được tạo ra với mục đích khuyến khích các cuộc thảo luận mang tính xây dựng về tất cả các khía cạnh cần cân nhắc mà các nhà hoạch định chính sách, nhà điều hành doanh nghiệp, các nhà lãnh đạo xã hội dân sự phải xem

xét trong quá trình quản lý và điều hành hoạt động thương mại quốc tế.

Ấn bản thứ hai này của nghiên cứu đo lường năng lực của 20 nền kinh tế – 19 nền kinh tế Châu Á và Hoa Kỳ – khi tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế theo cách thức hỗ trợ các mục tiêu dài hạn ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế để tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường cũng như củng cố vững chắc nguồn vốn xã hội. Các kết quả chính của chỉ số bao gồm:

- **Các quốc gia Châu Á, đặc biệt là các nước giàu hơn, nhìn chung đã có sự giảm sút về tính bền vững trong thương mại**, với sự phát triển trong lĩnh vực kinh tế vượt trội hẳn phần suy giảm trong lĩnh vực xã hội và môi trường. Điều này nghĩa là, mặc dù nhiều quốc gia tiếp tục hưởng lợi từ mức tăng trưởng cao nhưng chưa hoạt động tích cực để giảm bớt những ảnh hưởng tiêu cực ngoại lai như ô nhiễm không khí và thiếu sót trong các tiêu chuẩn lao động.
- **Hồng Kông vốn đã là một điểm sáng phát triển của khu vực Châu Á, tiếp tục ghi nhận mức tăng điểm nhẹ và dẫn đầu chỉ số 2018.** Hồng Kông có các chỉ số cơ sở hạ tầng công nghệ và tăng trưởng lực lượng lao động mạnh (lĩnh vực kinh tế) đi kèm với tăng trưởng ổn định về trình độ học vấn và ổn định chính trị (xã hội).

- **Nhiều quốc gia có mức thu nhập trung bình có chỉ số khá tốt, dẫn đầu là Sri Lanka.** Mặc dù thương mại bền vững gắn bó mật thiết với sự thịnh vượng – đây là một điều dễ hiểu – song vẫn có một số ngoại lệ đáng chú ý, bao gồm Sri Lanka (hạng 7), Trung Quốc (hạng 8) và Việt Nam (hạng 9), các quốc gia này đã nhảy cóc trở nên giàu có hơn (tính theo đầu người) Malaysia (hạng 12), Thái Lan (hạng 13) và Brunei (hạng 15), điểm số của các quốc gia này đã giảm mạnh.

- **Trong lĩnh vực kinh tế,** nhìn chung các quốc gia thực hiện khá tốt việc tăng trưởng nguồn lao động cũng như GDP bình quân đầu người; nói cách khác, so với năm 2016, ngày nay ở Châu Á có nhiều người có khả năng lao động hơn và năng suất lao động trung bình cao hơn. Các chính phủ cũng đã xúc tiến tự do hóa tài khoản vãng lai, tăng chiều sâu các hoạt động tài chính và giảm chi phí thương mại. Tóm lại, điều này tái xác nhận cam kết của các quốc gia Châu Á về tạo dựng một môi trường kinh doanh thương mại thuận lợi nhất có thể.

- **Trong lĩnh vực xã hội,** có sự sụt giảm mạnh về một vài chỉ báo lĩnh vực xã hội ở một số quốc gia góp phần dẫn tới sụt giảm về tổng thể. Ví dụ, bất bình đẳng tại Campuchia đã xấu đi rất nhiều trong vòng hai năm qua, đồng thời tỷ lệ đăng ký nhập học bậc sau phổ thông tại Indonesia cũng giảm sút. Sự ổn định chính trị đã bị lung lay tại mọi nơi, từ Brunei, Lào đến Hoa Kỳ. Điều đó nghĩa là, trình độ giáo dục là một trong số những chỉ báo có điểm số cao nhất trong chỉ số, trong đó các quốc gia như

Trung Quốc, Brunei và Singapore cho thấy sự cải thiện rất lớn.

- **Trong lĩnh vực môi trường,** sự bền vững môi trường giảm sút tại nhiều nước giàu, chỉ có Trung Quốc, Lào và Pakistan là các quốc gia tăng điểm trong lĩnh vực này. Điểm ô nhiễm không khí của Trung Quốc đã cải thiện rất nhiều; Lào và Pakistan là hai quốc gia duy nhất đã giảm lượng phát thải chuyển giao do thương mại, tỷ lệ phá rừng tại Pakistan cũng đã giảm mạnh. Các bước tiến ấn tượng nhất là sự giảm thiểu tỷ lệ tài nguyên thiên nhiên trong thương mại, đặc biệt là với các quốc gia như Indonesia, Myanmar và Lào. Điều này cho thấy các quốc gia này đã thành công khi đa dạng nền tảng thương mại theo hướng tách khỏi tài nguyên thiên nhiên.
- **Tính bền vững là một yếu tố quyết định ngày càng quan trọng trong thu hút FDI và trong việc lựa chọn nhà cung cấp khi chọn đối tác chuỗi cung ứng.** Theo những chuyên gia được phỏng vấn, tầm quan trọng của tính bền vững đã gia tăng đáng kể trong 20 năm qua – từ một yếu tố “có thì tốt” trở thành yếu tố cần thiết miễn cưỡng và cuối cùng trở nên như ngày nay: một nguồn lợi thế cạnh tranh, một yếu tố giúp các công ty giành được khách hàng và giúp các quốc gia thu hút FDI.
- **Các doanh nghiệp đang cải thiện sự bền vững cho chuỗi cung ứng của mình bằng cách cải tổ và mở rộng quan hệ với các đối thủ cạnh tranh và các nhà cung cấp.** Các công ty ngày càng hợp tác nhiều với các đối thủ để

chuyển dịch những nỗ lực cho sự bền vững từ các sáng kiến, sự ghi nhận và phần thưởng cấp doanh nghiệp lên cấp độ toàn ngành – giúp những nỗ lực đó có chiến lược hơn và có quy mô hơn. Những nỗ lực này đã được thực hiện cùng với sự chuyển dịch cần thiết trong mối quan hệ giữa người mua và thương hiệu và nhà cung cấp cấp một của họ – từ mối quan hệ giao dịch, có thể ngắn hạn thành sự gắn bó chiến lược dài hạn.

Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation 2018 cho thấy vẫn còn rất nhiều vấn đề cần phải thực hiện để thúc đẩy tiến sự bền vững trong thương mại tại Châu Á. Sự suy giảm rõ rệt trong các lĩnh vực môi trường và xã hội là một điều đáng lo ngại. Các ấn bản tương lai của chỉ số này sẽ cho biết liệu đây là một điểm sụt giảm tạm thời hay là điểm khởi đầu cho một xu hướng thậm chí còn đáng lo ngại hơn. Tuy nhiên, trong thời đại mà từ “thương mại” mang ý nghĩa tiêu cực tại nhiều nơi trên thế giới thì thật may mắn khi thấy Châu Á cam kết tăng trưởng đi đôi với thương mại và thành công thu được cũng thật sự rất to lớn.

### CÁC PHƯƠNG DIỆN CÓ ĐIỂM SỐ CAO

1. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người
2. Tự do hóa tài khoản vãng lai
3. Chiều sâu hoạt động tài chính
4. Chi phí thương mại
5. Tăng trưởng lực lượng lao động

### CÁC PHƯƠNG DIỆN CẦN CẢI THIỆN

1. Biến động tỷ giá
2. Tập trung vào thị trường xuất khẩu
3. Tiêu chuẩn lao động
4. Phá rừng
5. Ô nhiễm nguồn nước
6. Phát thải chuyển giao do thương mại



# Giới thiệu về Chỉ số Thương mại Bền vững Hinrich Foundation

---

Thương mại quốc tế đóng vai trò nền tảng cho phát triển kinh tế là một điều không mới lạ. Từ năm 1990, khi nhịp độ toàn cầu hóa bắt đầu gia tăng, số lượng người sống trong cảnh bần cùng (dưới 1,25 đô la Mỹ một ngày) đã giảm hơn 1 tỷ người.

Vì vậy, tham gia vào hệ thống thương mại toàn cầu từ lâu đã là một chính sách ưu tiên đối với các chính phủ và các doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, việc tham gia này không phải lúc nào cũng được thực hiện một cách bền vững – đối với bản thân các quốc gia hoặc với nền kinh tế toàn cầu. Ví dụ, viển cảnh kiếm được nguồn thu ngoại tệ thông qua tăng cường xuất khẩu ở một ngành (hoặc hàng hóa) cụ thể có thể khá hấp dẫn, nhưng sự thiếu đa dạng có thể tăng nguy cơ dễ bị tổn thương của nền kinh tế trước các chấn động hoặc làm loại bỏ nhiều ngành trong xã hội, dẫn tới bất bình đẳng nghiêm trọng.

Nếu theo đuổi thương mại mà hi sinh đầu tư vào giáo dục, hoặc không có các biện pháp bảo vệ thích hợp cho người lao động và gia đình họ thì việc tập trung đầu tư vào các ngành công nghiệp xuất khẩu có thể làm suy yếu sự phát triển con người hoặc nguồn vốn xã hội trên diện rộng. Điều này cũng có thể tạo ra gánh nặng chi phí về môi trường cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

Do đó, điều quan trọng là phải đo lường xem liệu một quốc gia có tham gia vào hệ thống thương mại toàn cầu bền vững hay không và quốc gia đó có thể duy trì trạng thái đó hay không.

Trên nền tảng này, Quỹ Hinrich Foundation đã ủy quyền cho Economist Intelligence Unit xây dựng một chỉ số để đo lường năng lực của 20 nền kinh tế – 19 nền kinh tế Châu Á và Hoa Kỳ – khi tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế theo cách thức hỗ trợ các mục tiêu dài hạn ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế nhằm tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường cũng như củng cố vững chắc nguồn vốn xã hội.

## Giới thiệu: Thương mại bền vững quan trọng hơn bao giờ hết

Hệ thống thương mại dựa trên các quy luật toàn cầu đang phải đương đầu với nguy cơ lớn nhất trong lịch sử những năm gần đây. Lực lượng các nhà bảo hộ xuất hiện tại nhiều quốc gia phát triển tại phương Tây, bởi các xã hội phải chịu đựng sự bất công lâu dài sẽ tìm cách phản ứng lại. Những nghi ngờ về lợi ích của thương mại là một phần trong hành vi chống đối của người theo chủ nghĩa dân tộc đối với các tập đoàn đa quốc gia, người nhập cư và những người nước ngoài khác do bị cho là hưởng lợi nhờ thiệt hại của người bản xứ.

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu hiện nay, các cộng đồng ngư dân và nông dân nhỏ, được sự ủng hộ từ những người theo chủ nghĩa bản địa bài ngoại, tránh cả những hoạt động thương mại mà chính cuộc sống của họ cần; một Chính phủ Cộng hòa tại Hoa Kỳ còn đậm tính bảo hộ hơn người tiền nhiệm Dân chủ; và nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc tự đặt mình vào vị thế là một trong những nhà vô địch thương mại hàng đầu thế giới. Các quốc gia, doanh nghiệp và công dân mọi nơi đang cố gắng lý giải các thực tại đó trong khi hoạch định tương lai không chắc chắn.

Tâm điểm trong những lo ngại của họ là viễn cảnh một cuộc chiến thương mại bùng nổ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Việc Hoa Kỳ áp thuế quan lên nhập khẩu thép và nhôm từ Trung Quốc năm

2018, dưới chiêu bài an ninh quốc gia, được coi là phát súng đầu tiên cho một cuộc chiến dài cay đắng – nhằm chống lại tinh thần chủ nghĩa dân tộc nội địa, chuyển dịch tài sản kinh tế, đối thủ chiến lược và công bố uy thế công nghệ trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.<sup>1</sup>

Trong số những nạn nhân tiềm năng của cuộc chiến tranh thương mại đó là Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tính liêm chính và vai trò của tổ chức này – hiện nay chủ yếu là một cơ chế giải quyết tranh chấp – đang bị đe dọa. Đặc biệt, nếu việc tham vấn thất bại và WTO bị buộc đưa ra phán quyết về vụ việc của Trung Quốc chống lại các thuế quan thép và nhôm, bất kỳ quyết định nào cũng có những hệ lụy ảnh hưởng sâu rộng. Một phán quyết ủng hộ Hoa Kỳ có thể sẽ khuyến khích các quốc gia khác lạm dụng lý do an ninh quốc gia để dựng nên những rào cản thương mại. Phán quyết ủng hộ Trung Quốc có thể sẽ làm suy yếu lòng tin vào WTO – nếu giả sử Hoa Kỳ không tuân thủ và bỏ thuế quan. “Chúng ta cần thảo luận vấn đề này tại WTO và đặt ra các tiêu chuẩn về hành vi ứng xử giữa các thành viên với nhau”, nhà kinh tế học hàng đầu Jayant Menon tại Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) phát biểu. “Hiện nay đây là thách thức lớn nhất đối với thương mại bền vững.”

Với giả định chủ nghĩa bảo hộ tiếp tục gia tăng nhưng chiến tranh thương mại sẽ được ngăn

<sup>1</sup> Các quốc gia và khu vực khác, ví dụ Canada và khối EU, đang trong quá trình đàm phán miễn trừ thuế quan

chặn, Economist Intelligence Unit dự đoán tăng trưởng thương mại toàn cầu sẽ tiếp tục chậm lại trong giai đoạn 2019-2022, về mức trung bình 3,5% mỗi năm (từ 4,7% năm 2017, mức tăng trưởng cao nhất trong sáu năm, theo WTO).<sup>2</sup>

Tất cả các sự kiện này có mối liên hệ trực tiếp với nhiều chuyên gia được phỏng vấn cho báo cáo này. Theo Deborah Elms, Giám đốc Điều hành Trung tâm Thương mại Châu Á tại trụ sở Singapore và các chuyên viên cao cấp tại Bộ Thương mại và Viện Thương mại Công nghiệp Singapore, viễn cảnh chiến tranh thương mại và nguy cơ chia rẽ là có thật. “Mọi người không coi trọng tầm quan trọng của WTO”, Bà Elms phát biểu. “Chúng ta đã quá quen với sự vận hành của hệ thống thương mại toàn cầu nên mọi người không nhận ra điều gì sẽ xảy ra nếu hệ thống đó biến mất... mọi hoạt động mà các doanh nghiệp đang thực hiện đều dựa trên những quy luật mà chúng ta đã có hơn 70 năm nay.”

Tuy nhiên sự nóng lên của thương mại Châu Á đang mang lại những hi vọng mới. Suy cho cùng, khu vực này đã chứng minh rõ ràng sức mạnh của thương mại khi đưa con người thoát khỏi nghèo đói – giúp hơn một tỷ người ở thế hệ trước tăng thu nhập của mình lên trên mức nghèo đói.

“[Tại Châu Á] mọi người đều chứng kiến những thay đổi mà thương mại mang lại và họ hiểu điều đó”, bà Elms nói. Người dân Châu Á không phải không thấy những khó khăn hay mặt trái của thương mại, nhưng họ hiểu rằng không có nhiều lựa chọn để thay thế, bà nhận xét.

Những người chỉ trích thương mại tự do ở phương Tây có lẽ nên học tập sự nhiệt tình với thương mại của người Châu Á – có thể họ sẽ nói, cũng không có gì ngạc nhiên, nếu xét mức độ ảnh hưởng của những chính sách theo chủ nghĩa trọng thương của Trung Quốc đã tác động rất mạnh tới sân chơi này (và mang lại sức mạnh to lớn cho chuỗi cung ứng liên Châu Á).

Tuy nhiên, sự đồng lòng rộng rãi trong xã hội đối với thương mại toàn cầu đã giúp các quốc gia Châu Á tiếp tục làm sâu rộng thêm các mối quan hệ thương mại sẵn có, ví dụ, bằng cách nhanh chóng đồng thuận Hiệp định CPTPP đầu năm 2018 sau khi Hoa Kỳ rút khỏi vị trí tiên nhiệm vào năm 2017.

Sau đó, Châu Á đã có vị trí không thể thay thế trong việc đi đầu và duy trì cam kết của nền kinh tế toàn cầu đối với thương mại tự do và công bằng. Chính trong bối cảnh này, nhu cầu về sự bền vững trong thương mại trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Đối với các nền kinh tế mới nổi ở Châu Á, ông Menon kiến nghị rằng họ có thể mô phỏng Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, bởi ông tin rằng các quốc gia này đã thực hiện tốt việc quản lý tăng trưởng phụ thuộc vào thương mại. “Các quốc gia này đã có những cải thiện đáng kể về điều kiện kinh tế mà không có sự chênh lệch lớn như chúng ta thấy tại các quốc gia khác.”

Ông chỉ ra ba yếu tố chung tại các quốc gia này: một hệ thống phân chia đất đai và cải cách đất đai có hiệu quả; tập trung vĩ mô vào giáo dục, từ tiểu

<sup>2</sup> [https://www.wto.org/english/news\\_e/pres18\\_e/pr820\\_e.htm](https://www.wto.org/english/news_e/pres18_e/pr820_e.htm)

học đến sau phổ thông, bao gồm cả giáo dục kỹ thuật; và sự may mắn – yếu tố mà họ đã thực hiện công nghiệp hóa đúng thời điểm nền kinh tế toàn cầu đang tăng trưởng.

Hiện nay các quốc gia giàu hơn ở Châu Á phải đối mặt với một thách thức lớn, bà Elms nói. Nhiều quốc gia trước đây không phải bận tâm đến mạng lưới an sinh xã hội rộng khắp khi tăng trưởng còn cao và có nhiều cơ hội việc làm mới. Tuy nhiên, khi nền kinh tế đã trưởng thành, tăng trưởng chậm lại và dân số già đi thì “cơ hội để các cá nhân tìm kiếm những nguồn thu nhập thay thế ngày càng khó khăn hơn”.

Các chính phủ này nhận ra nhu cầu trợ giúp những người dân không thể tự tìm được việc làm. Tuy nhiên, bà nói, họ không có vẻ là sẽ đi theo mô hình phúc lợi xã hội đánh thuế cao của phương Tây. Thay vào đó, họ có thể sẽ càng chú trọng hơn vào giáo dục cũng như phát triển kỹ năng trọn đời cho mỗi người dân.

“Họ thực sự đang ở một vị thế lạ lùng trước đây chưa từng gặp phải”, bà cho biết. “Bởi vậy tôi nghĩ chúng ta sẽ được chứng kiến nhiều thử nghiệm tại Châu Á. Làm thế nào để đương đầu với thách thức giải quyết vấn đề lao động không còn sẵn có và dễ dàng di chuyển sang các khu vực kinh tế khác còn đang phát triển.”

(Xem trang bên: Công nghệ và Tự động hóa.)

Do đó, bà Elms cho rằng rằng chính phủ các quốc gia này sẽ càng chú trọng vào việc làm và quyền lợi của người lao động hơn các khía cạnh khác

của thương mại bền vững, ví dụ như các vấn đề về môi trường. Trên thực tế, từ những nỗ lực của Singapore để đào tạo lại nguồn nhân lực độ tuổi trung niên cho tới những nỗ lực cải thiện điều kiện làm việc của công nhân dệt may tại Bangladesh, người ta có thể thấy rằng, trên khắp Châu Á, các chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ (NGO) cùng phối hợp để bảo đảm những lợi ích của thương mại được phân bổ công bằng hơn.

“Ở các quốc gia dân chủ đúng đắn, các thể chế đã được xây dựng để bảo vệ mọi quyền tự do, các tài sản công và xã hội, nhưng điều đó có thể phải đương đầu với nhiều thách thức”, ông Menon cho biết. “Chúng ta cần giải quyết vấn đề không đồng đều trong phân phối lợi nhuận và thiệt hại khi theo đuổi công cuộc toàn cầu hóa, để có thể tránh những rủi ro này.”

Đối với những người nghiên cứu về toàn cầu hóa và sự bất mãn với toàn cầu hòa, điều này về cơ bản không mới. Tuy nhiên ngày nay thông điệp này trở nên đáng chú ý hơn, bởi những cảnh báo đã được đưa ra từ hàng thập kỷ nay đã dần bị quên lãng – bóng ma chủ nghĩa cô lập và bản địa bài ngoại đang bao trùm lên chúng ta.

## Công nghệ và Tự động hóa

Khi phân tích gốc rễ tình trạng đình trệ lương ở tầng lớp trung lưu và các hình thái bất ổn kinh tế khác trong thế giới các quốc gia phát triển, thương mại thường bị đổ tội một cách bất công, một số đại biểu ủng hộ tự do thương mại cho hay. Theo họ, nguyên nhân sâu xa thực sự cho tình trạng suy giảm số lượng việc làm là công nghệ và tự động hóa thì lại chưa được đánh giá đúng mức.

Một trong những nguyên nhân là bởi, theo nhà kinh tế học hàng đầu của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Jayant Menon, sự đơn giản hóa quá mức của một số chính trị gia về thương mại, những người phớt lờ các yếu tố khác và thay vào đó là chú trọng quá nhiều vào cân bằng thương mại song phương.

Tuy nhiên ông Menon cũng cho rằng “thương mại hay công nghệ” có lẽ là phép lưỡng phân sai lầm, bởi hai yếu tố này có sự gắn kết với nhau. Sự thay đổi công nghệ là điều then chốt trong sự phân rã các chuỗi cung ứng toàn cầu. Khi công tác chỉ đạo đã hoàn thành, việc thực hiện các thay đổi liên quan đến cả công nghệ và thương mại vẫn là nghĩa vụ của chính phủ.

Đối với ông Menon và đồng nghiệp của mình, ông Stephen P. Groff, phó chủ tịch ADB khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương, những mối lo ngại về thất nghiệp tăng cao do tự động hóa đã bị cường điệu hóa. Tất nhiên, vẫn cần trợ giúp một số nhóm bị ảnh hưởng. Khi nói về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ông Groff cho rằng “tập trung vào tầm quan trọng thiết yếu của việc phát triển kỹ năng và nâng cấp hệ thống nên là một phần của chương trình hành động của mọi chính phủ.”

Ông cũng nói thêm, cần hỗ trợ những đối tượng đặc biệt khó tiếp cận hơn những người khác, bao gồm cả những người có ít kỹ năng hơn và những người sống ở khu vực nông thôn (ông trích dẫn mối tương quan cao độ giữa hai nhóm trên). “Chúng ta cần tập trung không chỉ nâng cao năng suất lao động trong ngành sản xuất và dịch vụ, mà cần tập trung nâng cao năng suất cả trong nông nghiệp.” Đổi lại, với lực lượng lao động vùng nông thôn dư thừa nhờ năng suất nông nghiệp cao hơn, các chính phủ có thể nghĩ đến tái đào tạo họ để phục vụ cho sản xuất hoặc nông nghiệp giá trị gia tăng.

“Cần lưu tâm kỹ đến cả một chuỗi tổng thể. Điều đó có nghĩa là có những phương pháp tiếp cận khác nhau khi hướng tới những bộ phận lao động dễ bị tổn thương tại các khu vực thành thị và nông thôn. Không có một chương trình giáo dục hay hướng nghiệp nào có thể phù hợp cho tất cả đối tượng và vùng miền.”

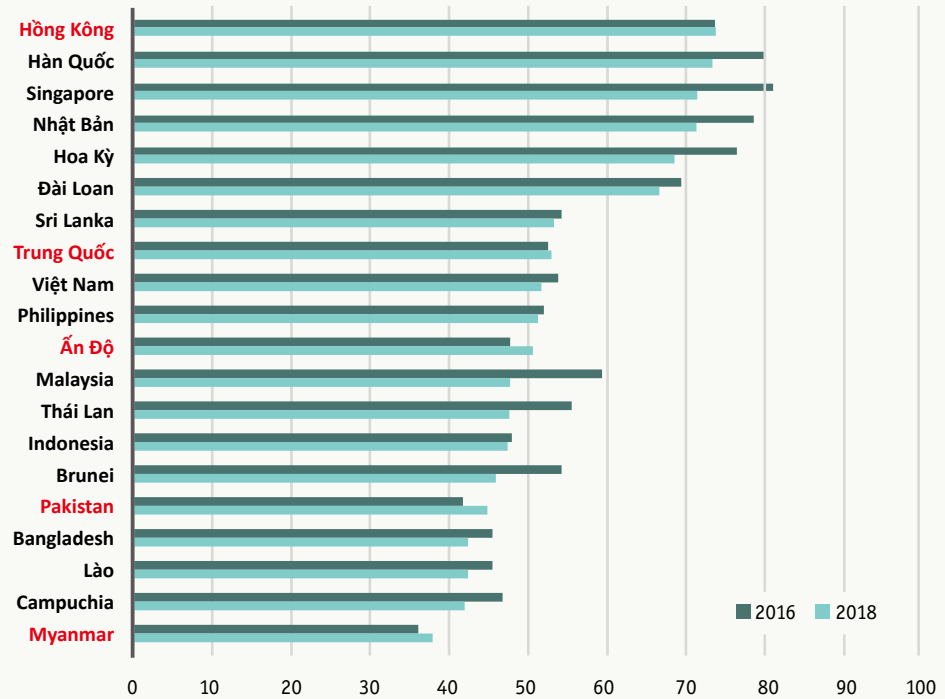
Ông Groff cho biết, trong những năm gần đây, nhiều quốc gia tại Châu Á đã tham vấn những cố vấn chính sách của ADB về các lĩnh vực này. Mặc các mối lo về tự động hóa và phi công nghiệp hóa sớm, ông Menon tin rằng nhiều quốc gia, bao gồm cả các “nền kinh tế sơ khai” của Myanmar, Lào và Campuchia, đang cố gắng chủ động “tham gia nhiều hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, nơi hứa hẹn có nhiều cơ hội việc làm cần nhiều nhân công”.

Tóm lại, trong khi một số xã hội ngày càng hoài nghi ảnh hưởng của công nghệ và thương mại, có vẻ như phần lớn các quốc gia Châu Á vẫn rất nóng lòng áp dụng cả hai biện pháp để thúc đẩy tăng trưởng mạnh và bền vững.

# Kết quả chung

## Một số điểm sáng giữa xu hướng suy giảm chung

Điểm tổng thể



TỔNG QUAN NHÓM	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA TĂNG ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA GIẢM ĐIỂM	THAY ĐỔI
Điểm tổng thể	5	15	(10) ▼
Lĩnh vực kinh tế	13	7	6 ▲
Lĩnh vực xã hội	8	12	(4) ▼
Lĩnh vực môi trường	3	17	(14) ▼

Từ năm 2016 đến 2018, nhìn chung, các quốc gia ở Châu Á đã giảm sút độ thương mại bền vững với sự phát triển trong lĩnh vực kinh tế vượt trên phần suy giảm trong lĩnh vực xã hội và môi trường.

- Nhìn chung các quốc gia thực hiện khá tốt việc tăng trưởng nguồn lao động cũng như GDP bình quân đầu người; nói cách khác, so với năm 2016, ngày nay ở Châu Á có nhiều người có khả năng lao động hơn và năng suất lao động trung bình cao hơn.
- Các chính phủ cũng đã xúc tiến tự do hóa các tài khoản vãng lai, tăng chiều sâu các hoạt động tài chính và giảm chi phí thương mại. Tóm lại, điều này tái xác nhận cam kết của các quốc gia Châu Á về tạo dựng một môi trường kinh doanh thương mại thuận lợi nhất có thể.
- So với năm 2016, điểm biến động tỷ giá và tập trung vào thị trường xuất khẩu nhìn chung đã giảm. Điều đó có nghĩa là các quốc gia ở Châu Á đang trở nên ngày càng phụ thuộc vào bốn đối tác thương mại hàng đầu và tỷ giá ngoại tệ với các đối tác thương mại hàng đầu đó sẽ trở nên ngày càng bất ổn định.
- Trong lĩnh vực môi trường và xã hội, các cải thiện rõ ràng duy nhất là về trình độ giáo dục và tỷ lệ tài nguyên thiên nhiên trong thương mại. Phần lớn các chỉ báo khác của cả khu vực đều giảm, kết quả đặc biệt thấp về tiêu chuẩn lao động, phá rừng và phát thải chuyển giao do thương mại. Điều này nghĩa là mặc dù kinh tế đang phát triển trên khắp Châu Á, có những nguy cơ rình rập về xã hội và môi

trường – các nguy cơ có thể sẽ ảnh hưởng đến tính bền vững của thương mại.

## Các quốc gia dẫn đầu

Các nền kinh tế giàu hơn của Châu Á, bao gồm Hàn Quốc (hạng 2), Singapore (hạng 3), Nhật Bản (hạng 4) và Đài Loan (hạng 6), đều đã bị giảm điểm. Nhật Bản và Hàn Quốc, hai đối thủ cạnh tranh trong nhiều lĩnh vực thương mại hàng hóa, đều có điểm số thấp trên những phương diện tương tự nhau: biến động tỷ giá; tập trung vào thị trường xuất khẩu; bất bình đẳng; tiêu chuẩn lao động; và phát thải chuyển giao do thương mại. Singapore có mức điểm số đặc biệt thấp về lĩnh vực môi trường, trong khi Đài Loan đã giảm điểm về cả kinh tế và môi trường.

Tuy nhiên, Hồng Kông, điểm sáng đã phát triển của Châu Á, ghi nhận mức tăng điểm nhẹ và dẫn đầu Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation 2018. Hồng Kông có các chỉ số cơ sở hạ tầng công nghệ và tăng trưởng lực lượng lao động mạnh (lĩnh vực kinh tế) đi kèm với tăng trưởng ổn định về trình độ học vấn và ổn định chính trị (xã hội). Trong khi đó, so sánh với mức suy thoái môi trường đáng lo ngại trên toàn khu vực, mức giảm nhẹ điểm số trong lĩnh vực môi trường của Hồng Kông gây ít lo ngại hơn.

Xét về tổng thể, các nước giàu của Châu Á tiếp tục đứng đầu bảng xếp hạng chỉ số, vượt trội các thị trường mới nổi của khu vực. Điều này củng cố mối tương quan đã được dự đoán giữa sự thịnh vượng của một quốc gia và khả năng sẵn sàng tham gia thúc đẩy thương mại bền vững.

Tuy nhiên, những biến động trong nhóm các quốc gia đứng giữa trong bảng xếp hạng chỉ số từ năm 2016 đến 2018 cho thấy mối quan hệ này có thể không phải luôn đúng – các quốc gia nghèo cũng có thể có kết quả vượt trội. Sri Lanka (hạng 7, xem minh họa), Trung Quốc (hạng 8), Việt Nam (hạng 9), Philippines (hạng 10) và Ấn Độ (hạng 11) đã nhảy cóc trở nên giàu có hơn (tính theo đầu người) Malaysia (hạng 12), Thái Lan (hạng 13) và Brunei (hạng 15), điểm số của các quốc gia này đã giảm mạnh.

### Các quốc gia đứng cuối Bảng xếp hạng

Các nền kinh tế kém phát triển hơn ở Nam và Đông Nam Á tiếp tục là những quốc gia gặp nhiều khó khăn nhất khi tham gia vào thương mại toàn cầu bền vững. Tuy nhiên, Pakistan (hạng 16) và Myanmar (hạng 20) đã cho thấy những tiến bộ đáng kể từ năm 2016 sang 2018. Cả hai quốc gia đã tăng trưởng mạnh GDP bình quân đầu người và giảm mạnh tỷ lệ tài nguyên thiên nhiên trong thương mại, có nghĩa là nền kinh tế của họ chuyển dịch từ hướng lạm dụng tài nguyên sang các ngành có giá trị gia tăng cao hơn – và bền vững hơn – đó là sản xuất và dịch vụ. Thêm vào đó, Myanmar đã có sự cải thiện không ngừng về cả bốn chỉ báo lĩnh vực xã hội, cho thấy khi mở cửa và hội nhập vào kinh tế toàn cầu, quốc gia này đang cố gắng phân phối công bằng những lợi ích của thương mại.

#### NHỮNG QUỐC GIA CÓ ĐIỂM SỐ CAO HOẶC THẤP SO VỚI GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI

QUỐC GIA	HẠNG THU NHẬP - HẠNG CHỈ SỐ	HẠNG GDP ĐẦU NGƯỜI
Việt Nam	+6	15
Ấn Độ	+5	16
Sri Lanka	+4	11
Hàn Quốc	+3	5
Philippines	+3	13
Hồng Kông	+2	3
Đài Loan	+1	7
Trung Quốc	+1	9
Pakistan	+1	17
Bangladesh	+1	18
Nhật Bản	0	4
Campuchia	0	19
Myanmar	0	20
Singapore	-1	2
Indonesia	-2	12
Thái Lan	-3	10
Lào	-3	14
Hoa Kỳ	-4	1
Malaysia	-4	8
Brunei	-9	6



## Sri Lanka

Sri Lanka có điểm Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation vượt xa chỉ số kinh tế, tổng quan xếp hạng 7, đứng vị trí cao nhất trong số các thị trường mới nổi và thu nhập trung bình. Điều đó phản ánh quốc gia này tập trung vào phát triển bền vững sau cuộc nội chiến kéo dài hàng thập kỷ, đặc biệt là về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) theo cách có lợi cho người lao động và môi trường.

Sự phát triển kinh tế của quốc gia này được định hướng theo kế hoạch tổng thể Tầm nhìn 2025, thời điểm mà quốc gia này muốn đạt vị thế thu nhập cao “với nền kinh tế thị trường xã hội trên nền tảng tri thức, khả năng cạnh tranh cao”. Kế hoạch này “tiên đoán sự chuyển dịch từ đầu tư công và các khu vực kinh tế phi thương mại sang đầu tư tư nhân và mô hình tăng trưởng chủ yếu nhờ khu vực kinh tế thương mại”, trích lời giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Sri Lanka và Maldives Idah Pswarayi-Riddihough.

Trong nỗ lực đó, Sri Lanka đã cố gắng giảm thuế quan và các rào cản phi thuế quan (Sri Lanka xếp hạng 4 về chỉ báo này). Cuối năm 2017 quốc gia này đã loại bỏ “cận thuế quan” (các loại phí hoặc thuế nhập khẩu thay vì thuế quan hải quan) với hơn một ngàn loại thuế quan. Sri Lanka cũng đang tạo ra cơ chế hải quan một cửa quốc gia cho thương mại, giúp giảm thời gian làm thủ tục hải quan nhập khẩu, bao gồm cả các loại thủ tục liên quan đến các biện pháp phi thuế quan, bà Pswarayi-Riddihough cho biết.

Còn rất nhiều việc cần làm để gia tăng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động – đặc biệt là với phụ nữ – và tăng cường tiếp cận giáo dục và đào tạo kỹ năng. Bà Pswarayi-Riddihough cổ vũ một số nỗ lực gần đây trong các lĩnh vực này. “Việc xem xét lại Đạo luật Nhân viên Văn phòng và Cửa hàng đã được lên kế hoạch, qua đó chỉ ra các rào cản luật pháp đối với sử dụng người lao động nữ”, bà nói. Ngoài ra, bà trích dẫn hai sáng kiến giáo dục gần đây: tăng tỷ lệ dân số trong độ tuổi đến trường hoàn thành ít nhất 11 năm đi học từ 82% năm 2012 lên 88% năm 2017; và nâng cao lượng ghi danh vào các khóa học kỹ thuật và đào tạo nghề từ 178.000 năm 2014 lên 188.000 năm 2016.

Sri Lanka đứng hạng 5 về lĩnh vực môi trường, với điểm ô nhiễm không khí tốt nhất, một phần do các biện pháp can thiệp như chương trình giám sát phát thải từ phương tiện giao thông và Sáng kiến Không khí Sạch quốc gia. Để duy trì điểm số này, theo bà Pswarayi-Riddihough, quốc

gia này cần giảm bớt ảnh hưởng của một số khía cạnh của sự phát triển và công nghiệp hóa, như mở rộng nhanh chóng các nhà máy nhiệt điện than và phương tiện cá nhân. “Nhân rộng mô hình giao thông công cộng sẽ giảm đáng kể chi phí nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch và chi phí y tế công”, bà cho biết.

Sri Lanka cũng có lượng phát thải chuyển giao do thương mại thấp (hạng 5) và tỷ lệ tài nguyên thiên nhiên trong thương mại thấp (hạng 4). Điều này phản ánh phần nào những nỗ lực của họ để tăng trưởng khu vực dịch vụ. Tỷ trọng của ngành du lịch trong tổng xuất khẩu đã tăng từ 7,7% năm 2012 lên 20,5% năm 2017. “Còn nhiều việc cần làm để thúc đẩy hiệu quả của dịch vụ trong các khu vực kinh tế khác, bao gồm các ngành quan trọng như ngân hàng, dịch vụ kho vận và hàng hải”, bà Pswarayi-Riddihough nhận xét.

Sri Lanka đứng hạng 8 về ổn định chính trị, một thành tựu đáng nể cho một nền dân chủ non trẻ còn rất dễ bị tổn thương trước những lực lượng gây bất ổn trong thời kỳ hậu xung đột. Điều này khuyến khích những cuộc tranh luận lành mạnh từ các vấn đề như quyền lợi của người lao động trong các nhà xưởng tới nhu cầu quản lý lợi ích kinh tế và địa chính trị không thể tránh khỏi từ Ấn Độ và Trung Quốc.

Nếu Sri Lanka thực sự tiếp tục cân bằng quá trình công nghiệp hóa với những biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội đầy ấn tượng như hiện tại, trong khi vẫn tăng trưởng để đạt mức thu nhập cao, thì trong tương lai, đây có thể được coi là hình mẫu phát triển cho các nền kinh tế nhỏ mới nổi khác.

## Các Mục tiêu Phát triển Bền vững

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goal, SDG), do Liên Hợp Quốc đặt ra vào năm 2015, có 17 mục phát triển khác nhau – bao gồm giáo dục chất lượng và giảm đói nghèo – mỗi mục có những mục tiêu cụ thể riêng cần đạt được vào năm 2030.

Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation đóng vai trò đại diện cho tiến trình của mỗi quốc gia trong việc đáp ứng các SDG mà Liên Hợp Quốc đề ra.

Điều cần lưu ý là chỉ số này đánh giá khả năng tương đối – mỗi quốc gia so với các quốc gia còn lại – trong khi SDG là các mục tiêu tuyệt đối mà các quốc gia cần độc lập thực hiện để đạt được.

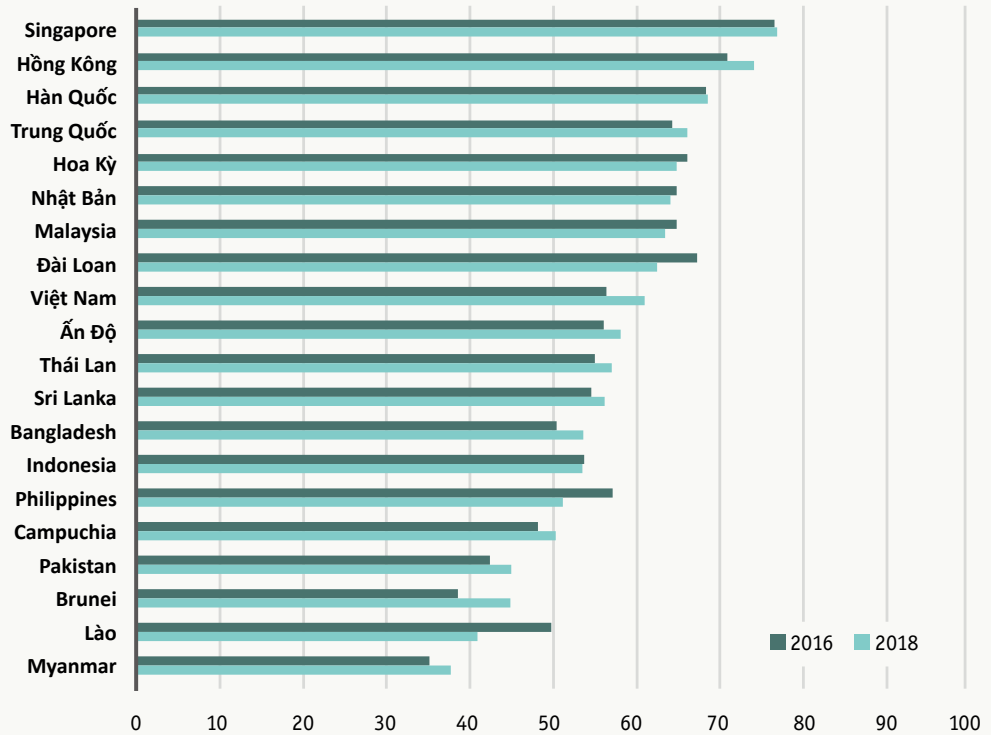
Điều đó có nghĩa là chúng ta cần tính toán sự phát triển của quốc gia theo những chỉ báo liên quan đến SDG. Có hai trường hợp thú vị (Các số trong ngoặc là số của hệ thống đánh số mục tiêu SDG)

- Bangladesh đang thực hiện tốt một số SDG nhất định, như (1) không đói nghèo; (8) việc làm tốt và tăng trưởng kinh tế; và (10) giảm bất bình đẳng, nhưng thực hiện kém các mục tiêu khác, bao gồm (4) giáo dục chất lượng; (6) nước sạch và vệ sinh; và (11) các đô thị và cộng đồng bền vững. Trung Quốc và Pakistan cũng có tình trạng tương tự. Điều này cho thấy, một số quốc gia thu nhập trung bình và thu nhập thấp đang tập trung nỗ lực đạt các mục tiêu bền vững vào các lĩnh vực mà họ cho là quan trọng nhất trong giai đoạn phát triển này.
- Một số mục tiêu phát triển bền vững, ví dụ (4) giáo dục chất lượng; (6) vấn đề nước sạch và vệ sinh; (9) công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng; và (16) hòa bình, công lý và các thể chế vững mạnh là các chỉ báo mà các nước giàu có điểm số vượt trội hơn. Mọi quan hệ này mang tính chất phản ánh – công dân các nước giàu là những người có khả năng và họ sẵn sàng đầu tư vào các SDG nhất định, đồng thời đây cũng là những thành tựu đóng vai trò hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế – ví dụ như thể chế vững mạnh.

## Lĩnh vực kinh tế

**Nhìn chung có sự cải thiện, đặc biệt các quốc gia xếp hạng giữa trong bảng chỉ số**

Điểm số lĩnh vực kinh tế



LĨNH VỰC KINH TẾ	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA TĂNG ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA GIẢM ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA DUY TRÌ ĐIỂM SỐ	THAY ĐỔI	
<b>Điểm tổng thể</b>	13	7	-	6	▲
<b>Tăng trưởng GDP bình quân đầu người</b>	15	3	2	12	▲
<b>Tự do hóa tài khoản vãng lai</b>	4	2	14	2	▲
<b>Rào cản thuế quan và phi thuế quan</b>	6	4	10	2	▲
<b>Biến động tỷ giá</b>	3	17	-	(14)	▼
<b>Chiều sâu hoạt động tài chính</b>	17	2	1	15	▲
<b>Ngoại thương và rủi ro thanh toán</b>	10	10	-	0	
<b>Tập trung vào thị trường xuất khẩu</b>	3	16	1	(13)	▼
<b>Tập trung vào sản phẩm xuất khẩu</b>	9	9	2	0	
<b>Đầu tư trực tiếp nước ngoài</b>	5	13	2	(8)	▼
<b>Tổng vốn cố định</b>	11	7	2	4	▲
<b>Chi phí thương mại</b>	16	3	1	13	▲
- Cơ sở hạ tầng	18	-	2	18	▲
- Hiệu quả dịch vụ kho vận	12	7	1	5	▲
- Tham nhũng	9	1	10	8	▲
- Hệ thống luật pháp	5	1	14	4	▲
<b>Đổi mới công nghệ</b>	10	7	3	3	▲
- Cơ sở hạ tầng công nghệ	1	2	17	(1)	▼
<b>Tăng trưởng lực lượng lao động</b>	18	1	1	17	▲

Các quốc gia nhìn chung thực hiện tốt tăng trưởng lực lượng lao động cũng như GDP bình quân đầu người. Nói cách khác, so sánh với năm 2016, ngày nay ở Châu Á có nhiều người có khả năng lao động hơn và năng suất trung bình cao hơn. Trong bối cảnh có những lo ngại về ảnh hưởng của tự động hóa và thương mại lên lực lượng lao động toàn cầu thì đây là một dấu hiệu tích cực. Điều này mang lại nguồn vốn chính trị

cần thiết cho các chính phủ để tiếp tục các cải cách then chốt.

- Các chính phủ đã có những bước tiến về tự do hóa tài khoản vãng lai, tăng chiều sâu hoạt động tài chính và giảm chi phí thương mại. Tóm lại, điều này tái xác nhận cam kết của các quốc gia Châu Á về tạo dựng một môi trường kinh doanh thương mại thuận lợi nhất có thể.

Cụ thể, 18 trong 20 nước đã cải thiện điểm cơ sở hạ tầng. ADB nhận xét rằng châu Á thiếu hụt khoản đầu tư cơ sở hạ tầng khoảng 1,7 nghìn tỷ đô la Mỹ mỗi năm.<sup>3</sup> Tuy nhiên, ít nhất thì phần lớn các quốc gia đang đi đúng hướng.

- So với năm 2016, điểm biến động tỷ giá và tập trung vào thị trường xuất khẩu nhìn chung đã giảm. Điều đó có nghĩa là các quốc gia ở Châu Á đang trở nên ngày càng phụ thuộc vào bốn đối tác thương mại hàng đầu và tỷ giá ngoại tệ với các đối tác thương mại hàng đầu đó sẽ trở nên ngày càng bất ổn định. Hai vấn đề này luôn song hành với nhau là điều khá dễ hiểu: một quốc gia càng tập trung vào thị trường xuất khẩu, tỷ giá của họ càng dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động trong quan hệ thương mại song phương. Kết luận cuối cùng là kinh tế tư nhân trong chuỗi cung ứng liên Châu Á có thể đang giảm tính đa dạng hóa – điều này có thể làm giảm khả năng phục hồi nói chung và tính bền vững thương mại.
- Trên khắp châu Á, FDI, là một bộ phận cấu thành GDP, có xu hướng giảm. Điều này có thể phản ánh sự rút lui trên phạm vi rộng ra khỏi toàn cầu hóa như đã thấy vài năm gần đây, hoặc thực tế rằng các quốc gia Châu Á đã có sự tăng trưởng kinh tế ấn tượng, tỷ trọng FDI đã giảm xuống. Ví dụ, mặc dù FDI đổ vào Trung Quốc năm 2017 tăng lên mức kỷ lục 135 tỷ đô la Mỹ, tỷ lệ tăng trưởng trong những năm qua đã ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng GDP. Trong khi đó, cũng có những dấu hiệu cho thấy các tiêu chí chọn lựa của nhà đầu tư nước ngoài đang ngày càng khắt

khe do khái niệm bền vững ngày càng trở nên quan trọng đối với các cổ đông và những người ủy thác khác.

- Về đổi mới công nghệ, phần lớn các nền kinh tế đều có sự cải thiện hoặc duy trì, dựa trên số liệu tỷ lệ GDP đầu tư vào nghiên cứu và phát triển. Mặc dù đây là một tín hiệu tốt, cách thức các quốc gia dùng để theo đuổi công nghệ cao đang dần trở thành một điểm sáng ngày càng rõ nét trong quan hệ thương mại. Các chính sách công nghiệp được củng cố bởi các nguồn trợ cấp, hỗ trợ từ chính phủ và các hành vi phi thị trường đang gây ra nhiều căng thẳng và làm dấy lên câu hỏi về tính tương thích của các chính sách này về cả mặt văn bản và tinh thần cam kết thương mại đa phương.
- Điều đáng mừng cho Châu Á là hệ thống luật pháp của khu vực có vẻ ngày càng công bằng hơn – hầu như điểm chỉ báo luật pháp của mọi quốc gia đều được cải thiện hoặc duy trì từ năm 2016. Điều này mang lại hi vọng rằng bất kỳ mâu thuẫn nội địa nào, dù về kinh tế hay lĩnh vực khác, đều sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ nâng cao tính minh bạch và các quy trình pháp luật.

### **Đầu tư trực tiếp nước ngoài và lựa chọn nhà cung cấp: lựa chọn bền vững**

Những Con Hổ của Đông Á – trước đây là Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan, mặc dù còn nhiều tranh cãi nhưng ngày nay vùng duyên hải phía đông Trung Quốc trong vài thập kỷ qua

<sup>3</sup> Asia News Network, “Hạ tầng Châu Á cần 1,7 nghìn tỷ đô la Mỹ mỗi năm: ADB” (<http://annx.asianews.network/content/asian-infrastructure-needs-us-17-trillion-year-adb-40425>)

đã đi tiên phong về mô hình công nghiệp hóa nhanh chóng nhờ nguồn FDI khổng lồ. Có một số đặc điểm chung ở các nền kinh tế này – từ các đặc khu kinh tế và thời gian miễn thuế tới nguồn cung cấp lao động phong phú – những điều này khiến họ thu hút được FDI khi nền kinh tế tiến hóa từ sản xuất và dịch vụ kỹ năng thấp sang các ngành giá trị gia tăng cao. Tất cả những điều đó đã xảy ra thần tốc với những cải thiện thần kỳ về tiêu chuẩn sống. Đây là một hình mẫu mà nhiều thị trường mới nổi khác đang cố gắng học tập.

Tuy nhiên, ngày nay đang nổi lên một thành tố mới và quan trọng để cấu tạo nên môi trường kinh doanh của các quốc gia và doanh nghiệp tìm kiếm FDI: sự bền vững. Tầm quan trọng của bền vững đã gia tăng đáng kể trong 20 năm qua – từ một yếu tố “có thì tốt” trở thành yếu tố cần thiết miễn cưỡng được chấp nhận, và cuối cùng trở nên như ngày nay: một nguồn lợi thế cạnh tranh, một yếu tố giúp các công ty giành được khách hàng và giúp các quốc gia thu hút FDI.

Theo ông Vivek Pathak, giám đốc Tập đoàn Tài chính Quốc tế (International Finance Corporation, IFC) khu vực Đông Á Thái Bình Dương, thì đối với các doanh nghiệp nhỏ ở Châu Á, bước chân đầu tiên đến với sự bền vững thường là khi họ tìm kiếm các nguồn vốn bên ngoài để phát triển. “Họ cần có khả năng đa dạng hóa người cho vay, thu hút vốn qua thị trường đại chúng hoặc tư nhân, và đó là khi họ bị khảo sát kỹ lưỡng về các phương diện có được quản lý tốt hay không, có sự quản trị tốt và hoạt động an toàn với môi trường hay không”, ông Pathak nói. “Có những dịp chúng tôi trao đổi với

các công ty không sẵn lòng thực hiện những điều đó... và chúng tôi không muốn cấp vốn cho họ.”

Ông Pathak mô tả một khách hàng của IFC: đó là một doanh nghiệp bán lẻ ở Myanmar cam kết quản trị chuỗi cung ứng và quản trị doanh nghiệp tốt, bao gồm cả cơ cấu ban giám đốc hợp lý. “Chúng tôi khá tự tin rằng đây là kiểu doanh nghiệp sẽ có thể thu hút nhà đầu tư tầm cỡ lớn hơn khi thị trường mở cửa.”

Jason Kibbey, CEO của Sustainable Apparel Coalition, đồng ý rằng sự bền vững đã chuyển dịch từ sáng kiến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (corporate social responsibility, CSR) sang mối bận tâm về khả năng sinh lợi. “Phát triển bền vững mang lại công việc kinh doanh tốt hơn và thương mại tốt hơn. Đó là điều chúng tôi nhận thấy ở cấp độ doanh nghiệp khi làm việc với các nhà cung cấp. Chúng tôi thấy rằng các doanh nghiệp hàng đầu trong chuỗi cung ứng và trong số các công ty trên bảng chỉ số [bền vững] có xu hướng nhận được những bội số lớn nhất từ các nhà đầu tư vàng.”

Đây là một vấn đề nhận được quan tâm lớn, đặc biệt với một số quỹ hưu trí Bắc Âu và nhiều quỹ đầu tư quốc gia, bao gồm Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu. “Họ muốn thấy rõ ràng hơn [về tính bền vững của chuỗi cung ứng], để họ có thể vận dụng khi sàng lọc vốn và thu mua”, ông phát biểu.

Mặc dù những người được phỏng vấn khác trong ngành dệt may chưa thấy những mối bận tâm về bền vững ảnh hưởng đến quyết định mua sắm

của khách hàng, nhưng Carrefour đã thấy trước. Theo thời gian, công ty này ngày càng nâng cao tiêu chuẩn chọn lựa nhà cung cấp, một phần để đáp lại nhu cầu của khách hàng. “Phần lớn các khách hàng đều cân nhắc nguồn gốc [bền vững] khi đưa ra quyết định, đây cũng là điều hiện nay chúng tôi áp dụng”, trích lời ông Jean-Marie Fouque, giám đốc tìm kiếm cung ứng toàn cầu ngành hàng dệt may tại Carrefour. “Chúng tôi không chỉ làm điều này để bảo vệ danh tiếng của thương hiệu... mà còn vì khách hàng và vì những nhu cầu của họ ngày càng cao. Trách nhiệm xã hội là điều quan trọng.” Phần nào do vậy mà Carrefour tiến hành năm cuộc kiểm toán khác nhau, ông Fouque nói, bao gồm cả kiểm toán môi trường – xã hội, trước khi gắn bó với bất kỳ nhà cung cấp nào.

Do vậy, rõ ràng là, nhận thức ngày càng cao về tính bền vững và áp lực phải thay đổi đang xuất phát từ nhiều đối tượng khác nhau: người tiêu dùng, nhà đầu tư, các công ty nóng lòng đi tắt đón đầu và chính bản thân các quốc gia đích, nơi những tiêu chuẩn bền vững tăng lên khi họ trở nên giàu có hơn. Mặc dù nhiều người tin tưởng các chính phủ sẽ hành động để thay đổi tại chính quốc gia của mình, thực tế họ không chắc sẽ thực hiện. “Các chính phủ không có động cơ lợi nhuận hoặc chính trị để thúc đẩy cải thiện điều kiện nhà xưởng tại bản xứ, lợi ích của người lao động hoặc bảo vệ môi trường ở các quốc gia khác”, ông Andrew Schroth, thành viên ban giám đốc Global Apparel and Footwear Textile Initiative nhận định. “Chính những người thực sự muốn kiếm tiền từ hệ thống thương mại toàn cầu mới là những người bắt tay vào hành động.”

Điều đó có nghĩa là, các chính phủ có thể gây ảnh hưởng lên các doanh nghiệp tại địa phương thông qua luật pháp, ông Fouque từ Carrefour cho biết khi chỉ ra đạo luật “trách nhiệm trong việc cẩn trọng” đã được thông qua năm 2017 tại Pháp, trong đó yêu cầu thiết lập các biện pháp bảo vệ nhân quyền và quyền lợi người lao động tại các nhà máy sản xuất cung ứng hàng hóa cho họ.

Sự bền vững xã hội và môi trường cũng có những ảnh hưởng trực tiếp lên khả năng cạnh tranh của một doanh nghiệp, bởi trong thực tế hiện nay, điều đó cho phép họ thu hút và giữ chân những người lao động giỏi nhất. Theo ông Pathak, các nhà xưởng ở Châu Á đang cạnh tranh để hỗ trợ xã hội tốt hơn, chẳng hạn các kế hoạch y tế bổ sung và hỗ trợ các bà mẹ. Cùng với quản trị tốt và các sáng kiến vì môi trường, những điều này giúp nâng cao danh tiếng của doanh nghiệp tại cộng đồng địa phương. Ông tin rằng những người lao động trẻ tuổi hơn, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, muốn làm việc cho các công ty có giá trị tương đồng với họ. “Sự bền vững giúp tạo ra các công ty có tiếng tăm, ngược lại các công ty này giúp thu hút và giữ được các nhân tài.”

Tất cả những điều này đang cùng ảnh hưởng đến các quyết định lựa chọn nhà cung cấp và định hướng dòng chảy FDI. Các công ty đang ngày càng có tiếng nói về vai trò của mình trong quá trình phát triển bền vững. Theo Colin Browne, giám đốc chuỗi cung ứng của Under Armour, ngành công nghiệp dệt may đang ở vị thế tối ưu để đẩy mạnh tăng trưởng khi nền kinh tế nông thôn chuyển sang nền kinh tế thành thị. “Chúng



ta chưa thực sự làm tốt việc giải thích vai trò của mình trong quá trình đó”, ông nói. “Chúng ta có xu hướng tìm kiếm những quốc gia có lợi về nhân khẩu; làm thế nào để làm việc với lực lượng lao động trẻ từ nông thôn khi họ chuyển dịch thành một mô hình thành thị phát triển hơn. Làm thế nào để chúng ta giúp bảo đảm rằng chúng ta đang thực hiện việc này một cách [bền vững] đúng đắn.”

Ông Browne nói, chi phí nhân công thấp không còn là yếu tố chính khi đầu tư. Các doanh nghiệp cần xác định các mục tiêu giá trị trong các chuỗi cung ứng đang phát triển nhanh chóng. “Các mục tiêu đó thường là thời gian sản xuất, chất lượng sản phẩm, [và] mục tiêu giá trị của sản phẩm với thương hiệu. Đây là câu hỏi làm thế nào để cân bằng những điều đó, bao gồm cả nguy cơ địa chính trị và rủi ro danh tiếng, rủi ro về sự bền vững [và] CSR”, ông nói. “Điều đó xoay quanh sự hiểu biết về các quốc gia – chứ không chỉ các nhà máy – các quốc gia đang tham gia vào những cuộc thảo luận đó.”

Ý nghĩa của những điều này rất rõ ràng. Quan điểm rằng sản xuất cần nhiều nhân công chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác một cách mù quáng theo chi phí thấp nay đã không còn đúng nữa, nếu trước đó đã từng đúng. Trong một thế giới kết nối kỹ thuật số nơi những thành công và thất bại về tính bền vững cấp độ doanh nghiệp được phóng đại và lan truyền nhanh chóng, các nhà đầu tư, người tiêu dùng và người lao động càng quan tâm đến tính bền vững. Đối với các doanh nghiệp, bền vững là khía cạnh quan trọng khi muốn khác biệt để cạnh tranh.

Hơn thế nữa, khi xét danh tiếng về khía cạnh bền vững, các doanh nghiệp và quốc gia nơi họ hoạt động đều bị giới hạn chặt chẽ bởi các hiệp hội. Bên mua và nhà đầu tư đánh giá các quốc gia để lựa chọn địa bàn hoạt động ở những nơi có cam kết rõ ràng về bền vững.

## Rào cản phi thuế quan

Trong bối cảnh sự đối địch với thương mại tự do ngày càng tăng lên tại nhiều nơi ở các quốc gia phát triển, các rào cản phi thuế quan một lần nữa nổi lên như những vạch giảm tốc tiềm ẩn đối với thương mại. Từ những mối lo ngại của Anh thời hậu Brexit về những rào cản luật pháp phi thuế quan mới ở Châu Âu đến những kiến nghị gây hoang mang tại Nam Phi rằng gà nhập khẩu có thể đã bị nhiễm cúm gia cầm, có rất nhiều cách để các nhà bảo hộ khắp thế giới phân biệt đối xử hàng hóa dịch vụ nhập khẩu để khiến chúng trở lên đắt đỏ và kém cạnh tranh hơn.

Cũng có những kiến nghị rằng khi các quốc gia tham gia các hiệp định thương mại tự do và nhận thấy thuế quan giảm, họ có động lực để thay thế rào cản thuế quan bằng phi thuế quan, giúp duy trì sự bảo hộ hiện có. Các nghiên cứu cho thấy xuất khẩu hóa chất của Châu Âu sang Hoa Kỳ đang phải đối mặt với các rào cản phi thuế quan tương đương mức thuế quan lên tới khoảng 20%.<sup>4</sup>

Đối với Đông Nam Á, việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN năm 2015 là dấu hiệu cho một bước tiến lớn hướng tới một thị trường và địa điểm sản xuất chung duy nhất. Tuy nhiên, các biện pháp và rào cản phi thuế quan trong khu vực đã tăng từ 1.634 lên 5.975 từ năm 2000 đến năm 2015. Các chính phủ đang tập trung nỗ lực để giảm bớt con số này.

Tại Châu Á, có những quan điểm khác nhau về chiều hướng rào cản thuế quan và phi thuế quan. Trong tháng 5 năm 2018, Shamshad Akhtar, tổng thư ký Ủy ban Xã hội và Kinh tế của Liên Hợp Quốc khu vực Châu Á Thái Bình Dương, đã phát biểu: “Nếu xem xét các xu hướng, có thể thấy đã có một cuộc khủng hoảng sau năm 2008, toàn khu vực Châu Á Thái Bình Dương đang phải đối mặt với các rào cản phi thuế quan tăng lên.”

Ông Groff của ADB thì đưa ra đánh giá hơi khác biệt. “Chúng ta chưa thấy sự phục hồi rào cản thuế quan hoặc phi thuế quan nào, mà chỉ thấy những đợt thủy triều lên xuống trên đà thực hiện”, ông nói. “Xét tổng thể, quá trình này khá tích cực và được thể hiện trong những số liệu thương mại nội Châu Á mới nhất, trong đó mức tăng hàng năm vượt xa mức thương mại toàn cầu.”

Chỉ số có vẻ ủng hộ quan điểm của ông Groff, cho thấy sự cải thiện nói chung trong hai năm qua về rào cản thuế quan và phi thuế quan, trong đó 16 quốc gia tăng hoặc duy trì điểm số của mình, chỉ có bốn quốc gia giảm điểm.

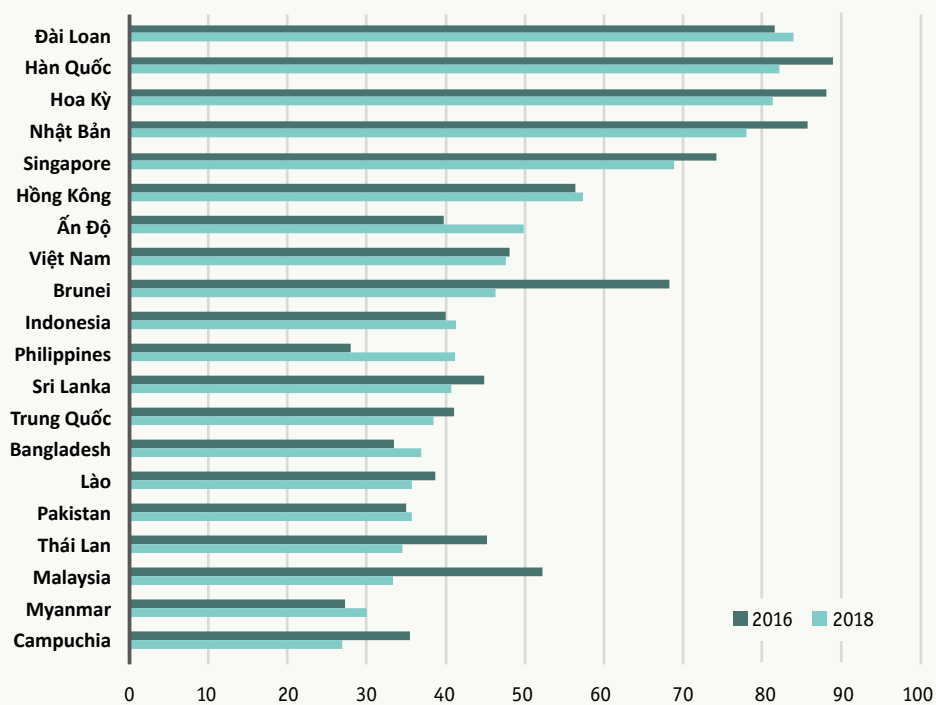
Theo Tiến sĩ Saik Aun Tan, phó chủ tịch cấp cao về thu mua khu vực Châu Á Thái Bình Dương của BASF, đã từ lâu, một trong số các rào cản phi thuế quan mà công ty phải đối mặt ở Trung Quốc là những tiêu chuẩn khác biệt về môi trường và sử dụng nguyên vật liệu. “Một số đối thủ cạnh tranh bản xứ có lợi thế cạnh tranh vì họ không hoạt động theo những quy định giống chúng tôi về tiêu chuẩn môi trường và an toàn”, ông cho biết. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, ông nói, Trung Quốc đã có các quy định khắt khe hơn về môi trường và thúc đẩy tuân thủ chặt chẽ hơn, làm cho sân chơi “ngang bằng hơn”.

<sup>4</sup> [http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2009/december/tradoc\\_145613.pdf](http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2009/december/tradoc_145613.pdf)

# Lĩnh vực xã hội

## Nhiều quốc gia giảm điểm mạnh

Điểm số lĩnh vực xã hội



LĨNH VỰC XÃ HỘI	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA TĂNG ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA GIẢM ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA DUY TRÌ ĐIỂM SỐ	THAY ĐỔI
<b>Điểm tổng thể</b>	8	12	-	(4) ▼
<b>Bất bình đẳng</b>	10	8	2	2 ▲
<b>Trình độ giáo dục</b>	12	6	2	6 ▲
<b>Tiêu chuẩn lao động</b>	9	9	2	0
<b>Ổn định chính trị</b>	7	10	3	(3) ▼

Ghi chú: Điểm bất bình đẳng tỷ lệ nghịch với hệ số Gini. Do đó việc tăng điểm ngụ ý sự bất bình đẳng tương đối giảm; giảm điểm nghĩa là bất bình đẳng tương đối tăng. (Số với các quốc gia khác trong bảng chỉ số.)

- Một số quốc gia giảm mạnh một số chỉ báo lĩnh vực xã hội đã gây ra xu hướng giảm chung. Ví dụ, bất bình đẳng tại Campuchia đã xấu đi rất nhiều trong vòng hai năm qua, đồng thời tỷ lệ đăng ký nhập học bậc sau phổ thông tại Indonesia cũng giảm sút. Sự ổn định chính trị đã bị lung lay tại mọi nơi, từ Brunei, Lào đến Hoa Kỳ.
- Trình độ giáo dục là một trong số những chỉ báo có điểm số cao nhất trong bảng chỉ số, trong đó các quốc gia từ Trung Quốc đến Brunei và Singapore cho thấy sự cải thiện rất lớn. Trên khắp khu vực, những nỗ lực của các tổ chức công, tư nhân và phi lợi nhuận để mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục đang mang lại thành quả.
- Đài Loan đứng đầu nhóm với điểm số ấn tượng cho cả bốn chỉ báo. Ấn Độ và Indonesia là hai quốc gia tăng điểm mạnh nhất, chủ yếu nhờ cải thiện tiêu chuẩn lao động.
- Chỉ báo tiêu chuẩn lao động – điểm tổng cộng của lao động ép buộc, lao động trẻ em và quyền người lao động – dường như phản ánh chính xác sự thịnh vượng tương đối, dẫn đầu là Hoa Kỳ (hạng 1), Hồng Kông (hạng 2) và hạng chót là Myanmar (hạng 19) và Campuchia (hạng 20). Một ngoại lệ là Việt Nam (hạng 8), xếp hạng cao hơn nhiều các nước giàu hơn như Malaysia (hạng 14) và Thái Lan (hạng 15).
- Malaysia và Thái Lan cũng có điểm số về ổn định chính trị và trình độ giáo dục thấp – phần trăm giới trẻ đăng ký học sau phổ thông đã giảm sút. Sau những năm bất ổn chính trị, cả

hai quốc gia hi vọng rằng sự ổn định chính trị sẽ chuyển hóa thành một nền kinh tế khởi sắc hơn, từ đó thúc đẩy nhu cầu sử dụng nhiều người có trình độ hơn.

### Các doanh nghiệp đang làm gì để bảo đảm chuỗi cung ứng bền vững

Thử thách bảo đảm tính bền vững xuyên suốt chuỗi cung ứng cũng là chủ đề không mới giống như phân công lao động. Ngay sau khi sản xuất được phân chia cho mọi người và các khu vực địa lý khác nhau, thị trường mới có thể dàn xếp các kỹ năng và điều kiện làm việc khác nhau. Thực tế là, hàng trăm năm qua, phần lớn thương mại toàn cầu (từ thời thực dân) có tiền đề dựa trên sự bền vững – ép người dân thuộc địa làm việc trong những điều kiện mà sẽ không bao giờ được chấp nhận ở mẫu quốc.

Trong những thập kỷ qua, vấn đề này đã dần dần bị đảo ngược bởi mong muốn xuất khẩu nhân công chất lượng cao và các hoạt động bền vững khác của các chính phủ, các NGO, người tiêu dùng và các doanh nghiệp. Những người đứng mũi chịu sào trong phong trào này là người lao động trong các xí nghiệp bị bóc lột tàn tệ ở Châu Á, sản xuất giày thể thao cho các công ty đồ thể thao toàn cầu.

Điều này khơi mào cho những suy nghĩ lại về ngành dệt may, vốn là một ngành “tụt hậu về tính bền vững”, theo lời ông Kibbey tới từ Sustainable Apparel Coalition. “Cuộc vận động nhân công bằng bắt đầu từ đây... sự bền vững xã hội và môi trường hiện nay đã thấm nhuần trong hoạt động của các doanh nghiệp lớn.”

Sự cải thiện trong ngành dệt may phản ánh những xu hướng lớn hơn trong chuỗi cung ứng bền vững. Theo ông Kibbey, dệt may là ngành hàng có chuỗi cung ứng thuộc loại phức tạp và rắc rối nhất. “Hầu như mỗi bước trong chuỗi cung ứng hàng dệt may đều có thể chuyển thành hàng hóa”, ông nói. Điều này dẫn đến sự phân đoạn quá mức, có thể lên đến hàng chục ngàn nhà cung cấp. “Thường thì các công ty dệt may thậm chí còn không biết nhà cung cấp của mình là ai.”

Ông so sánh điều này với ngành điện tử, một ngành hàng có sự cộng gộp hơn nhiều ở cấp bậc một, với các nhà sản xuất chính như Foxconn. Điều này giúp cho việc truy tìm nguồn gốc dễ dàng hơn rất nhiều, ông nói, kiểu như Apple hoặc Intel. Tuy nhiên trong rất nhiều năm qua, “phần lớn” các doanh nghiệp dệt may lớn đã và đang áp dụng những tiêu chuẩn thực hành và các hoạt động kiểm toán trên khắp chuỗi cung ứng.

Với các vấn đề xã hội, bao gồm: quyền tự do của các hiệp hội; lương tối thiểu và giờ lao động hợp lý; điều kiện làm việc cơ bản và an toàn lao động; cũng như tự do di chuyển – việc người sử dụng lao động giữ hộ chiếu của công nhân là nguy cơ đối với một số người lao động.

Với các vấn đề môi trường, các hoạt động kiểm toán bao gồm: sử dụng hóa chất và năng lượng; xử lý nước thải và rác thải nói chung; và khí thải.

Các nhà cung cấp không thực hiện những dạng kiểm toán này – khoảng dưới 10% tổng số doanh nghiệp, ông Kibbey cho biết, mặc dù không ngay lập tức bị cấm, nhưng bị đưa vào “kế hoạch hành động khắc phục”.

Kiểm toán giúp thanh lọc ngành công nghiệp nơi diễn ra “phần lớn sự lạm dụng tồi tệ nhất trong thời kỳ chống lại các xí nghiệp bóc lột”, ông Kibbey nói, nhưng không nhiều tác dụng hơn thế. Với cấu trúc đơn giản được thông qua hoặc không thông qua, các trang thiết bị thường duy trì ở mức phù hợp và không nhất thiết phải cải thiện qua từng năm.

Do đó bước thứ hai trong quá trình tiến đến sự bền vững là thực hiện các đánh giá có quy mô với bảng điểm cho kiểm toán. Một số bên thu mua trao thưởng các nhà cung cấp đạt điểm cao bằng cách đặt những đơn hàng lớn hơn.

Bước tiếp theo và còn đang tiếp diễn, ông Kibbey nói, là sự chuyển dịch những nỗ lực cho sự bền vững từ các sáng kiến, sự ghi nhận và phần thưởng cấp doanh nghiệp lên cấp độ toàn ngành, giúp những nỗ lực đó có tính liên kết hơn và có quy mô hơn – chính là lý do cho sự tồn tại của Sustainable Apparel Coalition. Điều này cho phép ngành công nghiệp giải quyết những thử thách lớn hơn nhiều, ông nói, ví dụ, giảm mạnh lượng hóa chất sử dụng.

Tiến sĩ Tan của BASF, thành viên sáng lập liên minh các công ty hóa chất “Together for Sustainability” (Chung Tay Vì Sự Bền Vững, TFS), phát biểu rằng những nỗ lực toàn ngành cũng mang lại hiệu quả tuân thủ to lớn. Khi nhà cung cấp được bất kỳ thành viên nào đánh giá về hệ thống kiểm toán và đánh giá chung của TFS – trên góc độ tính bền vững về quản trị, xã hội, môi trường và kinh tế – thì kết quả sẽ được nhập vào cơ sở dữ liệu chung. Đến năm 2020 BASF có mục tiêu hoàn thành kiểm toán hoặc đánh giá

70% các nhà cung cấp nguy cơ cao có liên quan. “Đây là giải pháp các bên cùng có lợi cho ngành công nghiệp hóa chất. Điều này giúp nâng cao các tiêu chuẩn nói chung và giúp quá trình hiệu quả hơn đối với các doanh nghiệp tham gia... và việc có một cơ sở chung toàn ngành cũng có lợi cho các nhà cung cấp.”

Một điều rất quan trọng là bản chất xuyên biên giới của các sáng kiến toàn ngành đồng nghĩa với việc động lực cho sự bền vững được nâng tầm, không chỉ còn là những mối lo ngại cụ thể ở một địa phương hạn hẹp, mà là thiết lập nền tảng và tiêu chuẩn toàn cầu.

Những nỗ lực này đã được thực hiện song song cùng với sự chuyển dịch cần thiết trong mối quan hệ giữa người mua và thương hiệu và nhà cung cấp cấp một của họ – từ mối quan hệ giao dịch, có thể ngắn hạn, thành sự gắn bó chiến lược dài hạn hơn. “Mối quan hệ đối tác” trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

“Chúng tôi muốn tạo ra giá trị, giúp họ [các nhà cung cấp] phát triển, đầu tư vào những khu vực quan trọng”, ông Fouque từ Carrefour cho biết. Ông thấy rằng các tổ chức tìm kiếm cung ứng đóng vai trò ngày càng quan trọng trong thời đại này, vì họ tư vấn cho bên mua về các rủi ro công nghệ, xã hội và địa chính trị có liên quan mà họ cần biết về những khu vực địa lý cụ thể.

Các NGO bền vững và môi trường như Hội nghị Bàn tròn về Sustainable Palm Oil (Dầu Cọ Bền Vững) và Rainforest Alliance (Liên Minh Rừng Mưa) là những đối tác quan trọng trong quá trình này, theo lời ông Bruce Blakeman, phó chủ tịch mảng quan hệ đối ngoại tại Cargill. Trong

môi trường hoạt động khó tìm được sự thống nhất giữa các nhóm khác nhau về định nghĩa chính xác của “không phá rừng” và “bền vững”, các NGO trợ giúp đào tạo và cấp chứng chỉ bền vững cho hàng triệu nông dân quy mô nhỏ trong bất cứ chuỗi cung ứng nào.

Cargill, cùng với nhiều công ty lớn khác trong ngành hàng hóa và hàng tiêu dùng, đã tham gia Tuyên bố Rừng New York năm 2014, cam kết loại bỏ phá rừng khỏi chuỗi cung ứng của mình vào năm 2030.

“Làm thế nào để tiếp tục chuỗi cung ứng khi làm việc với những người nông dân có thu nhập 200 đô la Mỹ một tháng? Đột nhiên bạn [người nông dân] phải bỏ ra tất cả những chi phí này, lưu trữ sổ sách, xây dựng kho chứa chất hóa học ở đây, vì bạn không còn được cất các chất hóa học dưới sàn nhà của mình như vẫn làm từ bao đời nay”, ông Blakeman nói. “Làm thế nào bạn tác động đến hàng triệu người nông dân để hoạt động bền vững và được các NGO cũng như các bên liên quan khác chấp nhận?”

### **Công dân doanh nghiệp có trách nhiệm: trình độ giáo dục và tiêu chuẩn lao động**

Tính bền vững của chuỗi cung ứng phụ thuộc vào việc bảo vệ và phát triển các cộng đồng địa phương, những người mà các doanh nghiệp phỏng vấn, và các thương hiệu ngày càng tìm kiếm các nhà sản xuất chủ động hoạt động có trách nhiệm. “Cuộc đối thoại này ngày càng phổ biến và có tính ứng dụng”, trích lời Rob Sinclair, chủ tịch giải pháp chuỗi cung ứng tại Li & Fung.

Về quyền lợi người lao động trong nhà xưởng và tiêu chuẩn lao động, ông Sinclair nói các doanh nghiệp thân thiện với môi trường của Sri Lanka, bắt đầu nhận được sự chú ý của thế giới từ khoảng một thập kỷ trước, hiện nay vẫn là các doanh nghiệp đầu ngành. Họ có những đặc điểm như cây cối được trồng giữa các dây chuyền sản xuất, đón nhiều ánh sáng tự nhiên, đặt các hệ thống làm mát bằng nước tự nhiên thay vì sử dụng điều hòa không khí. Ông nói, một số nhà sản xuất đưa ra sáng kiến các nhà xưởng thân thiện với môi trường, sau đó đã có những hiệu quả ban đầu, các doanh nghiệp khác nhận thấy họ phải cạnh tranh để thu hút người lao động, những người không muốn rời các nhà xưởng áp dụng những tiêu chuẩn môi trường và bền vững tốt như vậy. “Chúng tôi nói với các nhà sản xuất ở các quốc gia khác rằng họ nên đến Sri Lanka và xem cách thực hiện ở đó.”

Bangladesh cũng đã nhanh chóng trở thành một quốc gia dẫn đầu về các nhà xưởng thân thiện với môi trường, sau khi các doanh nghiệp tại quốc gia này quan tâm nhiều hơn đến người lao động sau vụ sập tòa nhà Rana Plaza năm 2013 khiến hơn một ngàn người thiệt mạng. Thiết kế và kiến trúc nhà xưởng ngày nay trở nên rất quan trọng. Tuy nhiên vẫn còn những lo ngại do quốc gia này không bảo vệ được hoạt động của công đoàn và các quyền lợi khác cho người lao động – xếp hạng 17 trên 20 quốc gia về thước đo tiêu chuẩn lao động của chỉ số.

Dẫn đầu các thị trường mới nổi là Việt Nam, xếp hạng 8 về thước đo này, ngay trên Trung Quốc và Sri Lanka. Trong những năm gần đây Việt Nam đã đưa ra một số cải cách quan trọng về lao động,

bao gồm mở rộng sự bảo vệ về luật pháp đến những người lao động trong các khu vực kinh tế không chính thức và thiết lập quy trình thương lượng lượng ba bên.

Có mối lo ngại rằng sự rút lui của Hoa Kỳ khỏi hiệp định Quan hệ Đối tác Liên Thái Bình Dương có thể ảnh hưởng xấu đến viễn cảnh cải cách lao động sâu hơn ở Việt Nam (Hoa Kỳ trước đây là bên kêu gọi và có lẽ là người thúc đẩy thực hiện các điều khoản liên quan đến người lao động). Tuy nhiên, CPTPP cũng thiết lập nên những cơ sở cho quyền người lao động phù hợp với tuyên bố của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) năm 1998. Do đó, ILO cũng hi vọng rằng Việt Nam sẽ thông qua ba quy ước nổi bật từ tuyên bố này: quyền tự do của hiệp hội; quyền thương lượng tập thể; và xóa bỏ lao động ép buộc. (Như thường thấy, việc thực hiện và đảm bảo thực hiện là những yếu tố quyết định sự thành công ở đây).

Trong khi đó, các doanh nghiệp tại Việt Nam tiếp tục nâng cao điều kiện nhà xưởng và các khía cạnh khác về quyền của người lao động khi xây dựng tính bền vững cho mô hình kinh doanh. Ông Sinclair nêu ví dụ về Saitex, một doanh nghiệp ở Việt Nam sản xuất loại vải denim được coi là bền nhất thế giới. Sản xuất vải denim đặc biệt có hại cho môi trường vì ô nhiễm nước do quá trình nhuộm – cần tới khoảng 10.000 lít nước để sản xuất một chiếc quần jeans. Công ty Saitex sử dụng các tấm năng lượng mặt trời, tích trữ nước mưa, và tái chế 98% lượng nước của mình. Vật liệu thải từ nước được biến thành gạch để sử dụng xây nhà giá rẻ, còn vụn vải denim được dùng trong sản xuất cho một thương hiệu giày vải denim mới. Ông Sinclair cho biết: “Chỉ có

một vài bên tham gia sân chơi này, và không bên nào muốn làm điều này, mà chỉ coi nó là một mô hình kinh doanh tốt”.

Phần lớn các quốc gia có tiến triển tốt về trình độ giáo dục nhưng rõ ràng vẫn còn nhiều điều cần làm. Những nghiên cứu được DHL ủy thác cho thấy GDP thực tế của Châu Á có thể thấp hơn tiềm năng của mình khoảng 34 tỷ đô la Mỹ do trẻ em bỏ học. Ví dụ, hơn một phần tư trẻ em Ấn Độ bỏ ngang ở bậc trung học cơ sở trong khi một phần năm trẻ em Indonesia bỏ học từ dưới bậc trung học cơ sở. Rất nhiều em làm vậy vì lý do tài chính: hoặc để kiếm tiền phụ gia đình hoặc vì không đủ tiền đi học.

“Nếu chúng ta muốn giải quyết vấn đề này hợp lý, những nỗ lực CSR của các tổ chức tư nhân nên có sự hợp tác chặt chẽ hơn với các NGO và chính phủ”, theo lời ông Christof Ehrhart, phó chủ tịch điều hành truyền thông và trách nhiệm doanh nghiệp của DHL.

DHL đã hợp tác với hai NGO ở Châu Á, Teach For All và Làng Trẻ em SOS, giúp trẻ em được tiếp cận giáo dục chính thức. DHL bổ sung “sự chú trọng vào khả năng tìm được việc làm và kỹ năng sống” vào những gì họ đang làm, ông Ehrhart phát biểu. “Mối quan hệ đối tác của chúng tôi luôn hướng đến việc rèn khả năng tìm được việc làm bên cạnh giáo dục chính thức.”

Việc này bao gồm các buổi hướng dẫn kỹ năng phỏng vấn và viết sơ yếu lý lịch ở những vùng xa xôi nhất của Indonesia, Thái Lan và Việt Nam, cũng như các chương trình thực tập để giới trẻ được tiếp xúc với sự đổi mới, IT và các kỹ năng mềm.

Thông qua các chương trình này, trong năm 2017 gần 700 tình nguyện viên DHL đã hỗ trợ cho hơn 11.000 trẻ em ở Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam.

“Khi làm việc với những người trẻ, điều mà chúng tôi muốn truyền tải là trình độ giáo dục cao hơn giúp các em có thể tham gia vào lực lượng lao động ở một mức độ mà có thể có một cuộc sống thoải mái”, theo lời ông Ehrhart.

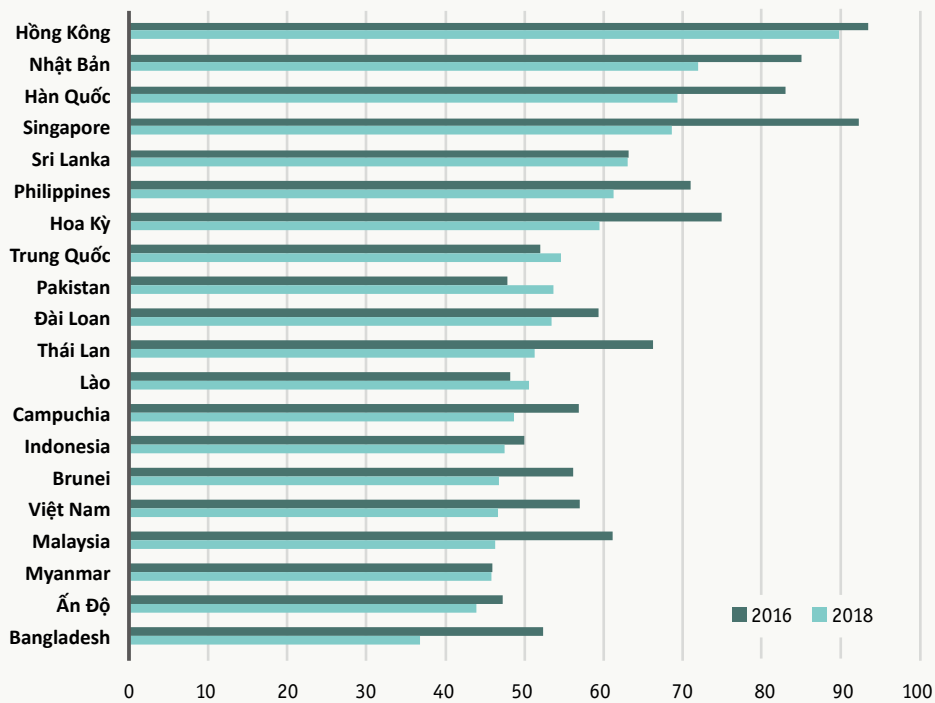
Trong bối cảnh xã hội đề cao giáo dục trên khắp Châu Á, và với những nỗ lực chung tay của NGO và chính phủ để nâng cao khả năng tiếp cận cũng như những sáng kiến của các tổ chức tư nhân từ các doanh nghiệp như DHL – giúp tạo ra cầu nối nhằm xóa bỏ khoảng cách giữa trường học và việc làm – thì có lẽ trình độ giáo dục sẽ còn là một thành tố cao điểm của chỉ số này.



# Lĩnh vực môi trường

## Trung Quốc, Lào và Pakistan, những quốc gia duy nhất có sự cải thiện

Điểm số lĩnh vực môi trường



LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA TĂNG ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA GIẢM ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CÁC QUỐC GIA DUY TRÌ ĐIỂM SỐ	THAY ĐỔI
<b>Điểm tổng thể</b>	3	17	-	(14) ▼
Ô nhiễm không khí	8	12	-	(4) ▼
Phá rừng	3	16	1	(13) ▼
Ô nhiễm nguồn nước	7	6	7	1 ▲
Các tiêu chuẩn môi trường trong thương mại	6	2	12	4 ▲
Phát thải chuyển giao do thương mại	2	18	-	(16) ▼
Tỷ lệ tài nguyên thiên nhiên trong thương mại	14	5	1	9 ▲

Ghi chú: Điểm số cao hơn thể hiện việc bảo vệ môi trường tốt hơn. Ví dụ, điểm ô nhiễm không khí cao nghĩa là mức bụi mịn 2,5 (PM 2,5) thấp hơn so với các quốc gia khác trong bảng chỉ số.

- Mặc dù nhìn chung các nước giàu có điểm số tốt hơn nhưng họ cũng là các nước có tính bền vững môi trường đang suy giảm. Trên khắp khu vực, tình hình ô nhiễm không khí, phá rừng và phát thải chuyển giao do thương mại đang xấu đi, trong đó ba quốc gia láng giềng ở Đông Nam Á là Malaysia, Singapore và Thái Lan đã có mức giảm điểm thuộc hàng mạnh nhất.
- Trung Quốc, Lào và Pakistan là các quốc gia duy nhất tăng điểm. Điểm ô nhiễm không khí của Trung Quốc đã cải thiện rất nhiều; Lào và Pakistan là hai quốc gia duy nhất đã giảm phát thải chuyển giao do thương mại, tỷ lệ phá rừng tại Pakistan cũng đã giảm mạnh.
- Các quốc gia đã có một số bước tiến về ô nhiễm nguồn nước và các tiêu chuẩn môi trường trong thương mại. Điểm số tăng ấn tượng nhất là tỷ lệ tài nguyên thiên nhiên trong thương mại, đặc biệt là của một số quốc gia ở cuối bảng chỉ báo này, như Indonesia (hạng 17 ở thước đo này), Myanmar (hạng 18) và Lào (hạng 19). Điều này cho thấy họ đã đạt được một số thành công khi đa dạng hóa nền tảng thương mại, tránh xa khỏi tài nguyên thiên nhiên.

Trong bối cảnh những chỉ số kinh tế và dân cư của Châu Á tiếp tục tăng trưởng nhanh chóng, có lẽ không có gì ngạc nhiên rằng tác động đến môi trường sẽ ngày càng lớn, và do đó điểm lĩnh vực môi trường sẽ giảm. Ví dụ, xem xét điểm chỉ số về ô nhiễm không khí, phá rừng và phát thải

chuyển giao do thương mại, có thể kết luận rằng nhiều quốc gia còn ở giai đoạn phát triển kinh tế sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên.

Sự tiếp diễn về tình trạng xuống cấp môi trường – và có thể không thể tránh khỏi – đang xảy ra bất chấp thực tế rằng nhận thức về môi trường trong khu vực đang tăng lên nhanh chóng. Có rất nhiều câu chuyện trong đó các chính phủ (xem thêm phần: Trung Quốc), các doanh nghiệp và các công dân Châu Á cùng nỗ lực giảm thiểu ảnh hưởng của mình đến môi trường.

“Một số quốc gia làm tốt hơn các quốc gia khác trong việc loại bỏ quan điểm sai lầm này về sự đánh đổi giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường”, ông Groff của ADB nhận xét. “Chúng ta đã thấy ở một số quốc gia, bao gồm Bhutan, Costa Rica, các quốc gia Bắc Âu, Sri Lanka, Thụy Sĩ và Zambia, rằng kinh tế tăng trưởng không nhất định đi kèm môi trường bị tàn phá nặng nề.”

## Trung Quốc: Hình mẫu môi trường mới của Châu Á

Nếu có người nghi ngờ năng lực của chính phủ Trung Quốc trong việc thúc đẩy thay đổi, hãy để họ thử hít thở không khí Bắc Kinh. Theo ông Groff từ ADB, trong những năm qua, nỗ lực phi thường để cải thiện chất lượng không khí ở khu vực thủ đô rộng lớn Bắc Kinh-Thiên Tân-Hà Bắc đã giúp giảm mạnh PM10 và các chất ô nhiễm khác. Một thành phố từng được ví là khải huyền sương khói, thì nay cư dân của thành phố đã có thể lên kế hoạch cho những ngày trời xanh trong.

Điểm ô nhiễm không khí trong chỉ số của Trung Quốc đã tăng 30,6 điểm – quốc gia duy nhất tăng hai con số trong chỉ báo này – góp phần tạo nên sự cải thiện tổng thể về môi trường, cùng với Lào và Pakistan là ba nước duy nhất không nằm trong xu hướng giảm điểm.

“Có thể thấy những thay đổi thực sự từ phía chính phủ, rõ ràng đây là cam kết của họ với Hiệp định Paris, nhưng nhìn chung đây là những vấn đề môi trường bền vững đã nổi lên từ những thách thức về ô nhiễm không khí ở các khu vực đô thị lớn, và cả những mối lo ngại về ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất và thoái hóa đất.”

Ông Groff chỉ ra, việc dọn dẹp Bắc Kinh-Thiên Tân-Hà Bắc được định hướng bởi nhiều quyết định chính sách, bao gồm di chuyển các doanh nghiệp và ngành công nghiệp gây ô nhiễm (bao gồm các nhà máy đốt than, ngành thép và các ngành sản xuất khác); lập ra mức ô nhiễm chấp nhận được; những biện pháp đảm bảo thực hiện cần thiết cho các hướng dẫn đó.

Tuy nhiên, những biện pháp mạnh mẽ này cũng phải trả một cái giá. “Chúng ta thực sự có thể đọc thấy những câu chuyện về những người bị sa thải... [hoặc] mất nhà cửa, hay những người không được dùng điện hoặc thiết bị sưởi, nguyên nhân là do những thay đổi trên về chính sách”, ông Groff nói. “Trong dài hạn, đây rõ ràng là những gì mà quốc gia này cần làm, nhưng cũng rất cần quan tâm đến những cái giá phải trả trong quá trình chuyển tiếp ngắn hạn.”

Cho tới gần đây, Trung Quốc vẫn còn bị coi là một thảm họa môi trường, nhưng nay đã là một hình mẫu về sự thay đổi. Trong tháng 5 năm 2018, tổ chức Y tế Thế giới đã kiến nghị rằng đã đến lúc Ấn Độ nổi gót Trung Quốc trong cách thức xử lý ô nhiễm không khí.

“Trước những thách thức to lớn đang gặp phải, những nỗ lực mà Trung Quốc đã làm giúp cho các quốc gia khác thấy rằng có những vấn đề có vẻ như không khắc phục được nhưng thực tế lại có thể giải quyết và đạt được những bước tiến dần dần”, ông Groff phát biểu.

## Công dân doanh nghiệp có trách nhiệm: Khử carbon và kinh tế tuần hoàn

Một phần để đảm bảo tính bền vững của các chuỗi cung ứng là bảo vệ và củng cố môi trường địa phương nơi các doanh nghiệp hoạt động. Trong thời đại truyền thông xã hội ngày nay, các công ty không còn có thể thả bỏ các chất độc hại bừa bãi. “Nếu một công ty xả chất thải vào đất hoặc nước, điều này sẽ khiến họ phải dừng cuộc chơi”, Tiến sĩ Tan phát biểu về việc BASF sử dụng quy trình kiểm toán của liên minh TFS.

Hơn thế nữa, có những dấu hiệu rõ ràng rằng các công ty ở Châu Á đang vượt qua những mối lo ngại về môi trường cấp độ cơ bản ở địa phương và bắt đầu xử lý những vấn đề toàn cầu phức tạp và dài hạn hơn về biến đổi khí hậu và hao hụt tài nguyên.

Tại DHL, có hai mục tiêu trung đến dài hạn giúp định hướng những nỗ lực giảm thiểu carbon. Đến năm 2025, công ty dự định sử dụng phương tiện giao thông sạch như xe đạp và phương tiện chạy bằng điện, cho 70% các dịch vụ giao thông từ điểm đầu tới điểm cuối của mình. Và đến năm 2050 công ty dự định sẽ không còn phát thải thực liên quan đến dịch vụ kho vận.

Công ty đã cải thiện hiệu quả của các tài sản sở hữu trực tiếp qua nhiều sáng kiến dịch vụ kho vận xanh, như trang bị thêm phần mềm viễn tin cho 450 xe tải ở Thái Lan. “[Đó] là một phần của sáng kiến tổng hợp, bao gồm huấn luyện tài xế, quản lý hàng tháng và hệ thống khen thưởng để khuyến khích lái xe tiết kiệm”, ông Ehrhart cho

biết. Điều đó giúp tiết kiệm 20% nhiên liệu và giảm 3% số dặm đường.

Ngoài ra, công ty cũng giúp các nhà thầu phụ cải thiện hiệu quả làm việc, ví dụ trong năm 2017, đã giúp lắp đặt 34 “đuôi thuyền” ở phía sau các xe mooc hiện tại để cải thiện khí động học – giúp tiết kiệm 5% nhiên liệu.

Ngành công nghiệp hàng hải cũng đang nỗ lực giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường, theo lời ông Jeremy Nixon, CEO của Ocean Network Express, một tuyến container mới liên doanh ba hãng vận tải Nhật Bản.

Các biện pháp hiện nay bao gồm sử dụng nhiên liệu ít lưu huỳnh, giảm khối lượng container và làm cho các tàu thuyền trở nên tiết kiệm năng lượng hơn. Ông Nixon nhấn mạnh tầm quan trọng của những tiêu chuẩn toàn cầu mà các doanh nghiệp có thể tuân thủ. “Việc tiêu chuẩn hóa xoay quanh tính hiệu quả. Các tiêu chuẩn toàn cầu về môi trường đang thay đổi... điều cuối cùng chúng ta muốn thấy là những khác biệt.”

Nói chung, các thước đo carbon hoặc tiết kiệm năng lượng như trên mang tính trực giác và dễ lường trước bằng cách giảm chi phí đáp ứng những nhu cầu hiện có của các doanh nghiệp về khả năng sinh lợi.

Tuy nhiên, với mô hình kinh doanh nền kinh tế tuần hoàn, các biện pháp bền vững dường như sẽ đi ngược lại lợi nhuận trong dài hạn.

Ông Sinclair từ Li & Fung cho biết, việc giảm mạnh giá bán lẻ hàng may mặc đang gây sức ép chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh doanh, theo hướng trang phục giá rẻ có thể mặc chỉ vài lần. Ông tin tưởng điều này sẽ định hướng đến những hoạt động không bền vững trong toàn ngành.

“Là một ngành công nghiệp... chúng ta có trách nhiệm và nhiệm vụ hướng tới và quản lý doanh nghiệp sao cho bảo đảm tuân thủ những tiêu chuẩn thực hành bền vững cho các cổ đông, các bên liên quan và cộng đồng nói chung... làm sao chúng ta thực hiện được điều đó khi các nhà bán lẻ đưa ra mặt hàng dệt may ở mức giá quá thấp, tạo ra hiện tượng mới là trang phục ‘dùng một lần’? Điều đó làm cho tôi và đồng nghiệp của tôi trong ngành băn khoăn và đặt ra câu hỏi rằng ‘Chúng ta đang ở trong ngành cung ứng hay ngành xả rác thải?’ Tôi thích về đầu câu hỏi hơn.”

Ông tin rằng điểm thích hợp nhất để thay đổi là nâng cao nhận thức của người tiêu dùng. “Chúng ta làm thế nào để giáo dục mọi người ngoài kia, những con người xa rời thực tế?”

## Kết luận

Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation 2018 vẽ nên một bức tranh hỗn hợp. Một mặt, dù nền kinh tế Châu Á tiếp tục ghi nhận tăng trưởng kinh tế ấn tượng, có vẻ như, xét về mức độ bao quát, những gì họ làm là chưa đủ để giảm bớt những yếu tố bên ngoài mang tính tiêu cực về xã hội và môi trường như ô nhiễm không khí và thiếu tiêu chuẩn lao động. Càng tệ hơn, các quốc gia, doanh nghiệp và công dân đang chuẩn bị cho một thời kỳ trong đó sự bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu có thể tạo ra những đợt sóng lên xuống trong thương mại và tăng trưởng kinh tế.

Mặt khác, có rất nhiều ví dụ những bước tiến ấn tượng về sự bền vững trong mọi cấp độ cấu thành. Các nhà hoạch định chính sách ghen tị với thành công gần đây của Trung Quốc về giảm ô nhiễm không khí và với những nỗ lực của Việt Nam trong việc cải thiện quyền lợi của người lao động – mặc dù cả hai quốc gia vẫn còn đang trong giai đoạn thực hiện. Ở cấp độ doanh nghiệp, sự tập trung vào bảo đảm tính bền vững của chuỗi cung ứng đã trở nên cao độ hơn. Trong một thời gian ngắn, tính bền vững trong các doanh nghiệp Châu Á đã chuyển từ sự phiến toái thành yếu tố then chốt tạo nên sự khác biệt để cạnh tranh.

Sự chuyển đổi này được xúc tác một phần nhờ áp lực từ những con người bình thường, gồm các công dân, người tiêu dùng và người lao động. Khi cư dân Châu Á đang ngày càng giàu có và kết

nối với nhau nhiều hơn qua truyền thông xã hội, nhận thức của họ về bền vững cũng được nâng cao. Ông Fouque từ Carrefour nhận xét: “Bạn sẽ phải ngạc nhiên về tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm đối với khách hàng Trung Quốc”. “Ở Châu Âu, điều đó vốn là một vấn đề về lý thuyết, nhưng ở Trung Quốc lại là điều thực tế – trách nhiệm của chúng ta nhằm bảo vệ con cái mình.”

Châu Á dường như cũng đã chuẩn bị để thích nghi và hưởng lợi từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Điều này là đúng xét về các cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã được lắp đặt – quá nửa trong số các quốc gia đều đạt từ 75 điểm trở lên cho thước đo này. Tuy nhiên đúng là các cuộc tranh luận về kinh tế, đạo đức và triết học cũng đang xảy ra khắp các phòng họp doanh nghiệp và bàn tròn chính sách khắp Châu Á. Có hi vọng rằng khu vực sẽ có thể hưởng lợi từ công nghệ mới, như sử dụng nền tảng chuỗi cung ứng dựa trên công nghệ blockchain, trong khi phải giải quyết những vấn đề hóc búa về mất việc làm và nhu cầu bảo hộ xã hội tốt hơn.

Vì vậy, vẫn còn nhiều việc cần làm để phổ biến tính bền vững trong thương mại tại Châu Á. Tuy nhiên, trong thời đại mà “thương mại” có ý nghĩa tiêu cực tại nhiều nơi trên thế giới, thật may mắn khi thấy sự cam kết của Châu Á với tăng trưởng đi liền với thương mại, và sự thành công dường như rực rỡ hơn bao giờ hết.

# Phương pháp luận

Chỉ số Thương mại Bền vững- Hinrich Foundation đo lường khả năng tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế của một quốc gia theo cách thức theo đuổi các mục tiêu dài hạn ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế về tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và củng cố vững chắc nguồn vốn xã hội. Mỗi quốc gia trong Bảng xếp hạng được đánh giá và cho điểm trên ba nhóm tiêu chí này, tức các lĩnh vực then chốt. Chỉ số năm nay là kết quả lần nghiên cứu thứ hai của chương trình được công bố lần đầu năm 2016.

## Các Lĩnh vực then chốt của Phát triển Thương mại Bền vững

Sau khi đánh giá toàn diện các nghiên cứu đã từng được thực hiện trong ba lĩnh vực then chốt của phát triển bền vững – kinh tế, môi trường và xã hội – nhóm nghiên cứu đã chọn ra một số chỉ báo và chỉ báo phụ để khảo sát các khái niệm này. Lĩnh vực kinh tế bao gồm 14 chỉ báo và bốn chỉ báo phụ, lĩnh vực xã hội và môi trường lần lượt gồm bốn và sáu chỉ báo.

### Lĩnh vực Kinh tế

Lĩnh vực kinh tế đánh giá khả năng đảm bảo và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của một quốc gia thông qua thương mại quốc tế. Trong nhóm này, các quốc gia được đánh giá dựa trên một số thước đo thể hiện mối liên hệ giữa hệ thống

thương mại và tăng trưởng kinh tế. Một số chỉ báo quyết định mức độ dễ dàng của hoạt động thương mại quốc tế, chẳng hạn như khả năng chuyển đổi tài khoản vãng lai và nhiều chi phí thương mại khác nhau gắn liền với các giao dịch xuyên biên giới. Chúng tôi đánh giá sự đa dạng xuất khẩu thông qua điểm đích của hoạt động thương mại song phương và mức độ tập trung vào sản phẩm xuất khẩu của mỗi quốc gia, bởi vì các sản phẩm và thị trường xuất khẩu đa dạng cho phép một quốc gia có thể hấp thu tốt hơn những cú sốc kinh tế từ các nền kinh tế đối tác thương mại. Chúng tôi cũng đánh giá đầu tư và chất lượng cơ sở hạ tầng của mỗi quốc gia, vì những yếu tố này sẽ thúc đẩy nền sản xuất trong nước và ngoại thương ở cấp độ doanh nghiệp. Để biết danh sách đầy đủ các chỉ báo kinh tế được chọn cho lĩnh vực này, vui lòng xem bảng sau đây.

### Lĩnh vực Xã hội

Lĩnh vực xã hội bao gồm các nhân tố xã hội liên quan đến khả năng hoạt động thương mại quốc tế dài hạn của một quốc gia và sức chịu đựng của người dân trước nhu cầu mở rộng thương mại với các chi phí và lợi ích của tăng trưởng kinh tế nhất định. Trọng tâm của lĩnh vực này chính là khái niệm về vốn nhân lực. Về phương diện này, các quốc gia được đánh giá về môi trường khuyến khích và hỗ trợ sự phát triển về vốn nhân

lực tại quốc gia đó. Ví dụ như, mức độ bất bình đẳng và tiêu chuẩn lao động trong một quốc gia đó đều được đánh giá trong lĩnh vực này. Ngoài ra, thành quả giáo dục và tính ổn định chính trị cũng chi phối yếu tố vốn nhân lực và môi trường mà trong đó vốn nhân lực có thể được khai thác hiệu quả.

### Lĩnh vực Môi trường

Lĩnh vực môi trường đánh giá mức độ mà một quốc gia sử dụng tài nguyên thiên nhiên và quản lý các yếu tố bên ngoài phát sinh trong quá trình tăng trưởng kinh tế và tham gia vào hệ thống thương mại toàn cầu. Trên thực tế, mặc dù khả năng tham gia vào hệ thống thương mại toàn cầu phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế, nhưng một quốc gia vẫn phải hết sức thận trọng khi quản lý tài nguyên thiên nhiên và hạn chế các yếu tố tác động bên ngoài trong các bài toán kinh tế của mình để thúc đẩy vốn tài nguyên tổng thể. Các chỉ báo được lựa chọn trong phần này đã lượng hóa vốn môi trường của một quốc gia, bao gồm cả việc sử dụng tài nguyên và các yếu tố bên ngoài. Lĩnh vực này đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và nước. Liên quan đến các tác động trong tương lai đến thương mại, chúng tôi đánh giá các tiêu chuẩn môi trường, lượng khí thải carbon và tỷ lệ nguồn tài nguyên thiên nhiên trong xuất khẩu.

### Các Chỉ báo và Các Nhóm thu nhập

Căn cứ vào kết quả của giai đoạn nghiên cứu, quan điểm trung lập được ghi nhận đối với các trọng số tương đối của ba lĩnh vực. Kết quả đánh

giá từ các nghiên cứu về phát triển bền vững cho thấy rõ ràng rằng không thể đưa ra kết luận tuyệt đối về lĩnh vực nổi trội nhất so với các lĩnh vực còn lại. Vì vậy, chúng tôi áp dụng trọng số trung bình là 33,3% cho mỗi lĩnh vực, trong đó mỗi chỉ báo có tỷ lệ như nhau trong nhóm của mình. Các quốc gia trong Bảng xếp hạng được phân chia thành ba nhóm thu nhập để giúp so sánh về mức độ phát triển bền vững của hoạt động thương mại. Ba nhóm thu nhập được phân loại dựa trên GDP bình quân đầu người như là một phương pháp để nắm bắt các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia trong bảng chỉ số:

THU NHẬP CAO	THU NHẬP TRUNG BÌNH	THU NHẬP THẤP
Brunei	Trung Quốc	Bangladesh
Hồng Kông	Malaysia	Campuchia
Nhật Bản	Thái Lan	Ấn Độ
Singapore		Indonesia
Hàn Quốc		Lào
Đài Loan		Myanmar
Hoa Kỳ		Pakistan
		Philippines
		Sri Lanka
		Việt Nam

### Chuẩn hóa các chỉ báo

Để có thể so sánh các điểm dữ liệu giữa các quốc gia, đồng thời để xây dựng các điểm xếp hạng tổng hợp cho mỗi quốc gia, chúng tôi đã chuẩn hóa tất cả các chỉ báo trên thang điểm từ 0-100 sử dụng phương pháp tính toán giá trị tối thiểu-giá trị tối đa. Điểm số thể hiện độ lệch chuẩn so



với giá trị trung bình, với quốc gia ghi điểm cao nhất là 100 điểm và thấp nhất là 0.

Trong một số trường hợp, điểm đánh giá được tính theo thang điểm từ 1-5, với 1 là điểm thấp nhất hoặc tiêu cực nhất và 5 là điểm cao nhất hoặc triển vọng nhất. Các chỉ báo định tính được đánh giá trên thang điểm từ 1-5 sau đó được quy đổi về thang điểm từ 0-100 để dễ dàng so sánh với các chỉ báo khác trong chỉ số.

### **Thay đổi chỉ báo**

Chúng tôi hầu như giữ nguyên cấu trúc chỉ số giống như phiên bản năm 2016 của chỉ số. Trong nhiều trường hợp, chúng tôi phải thay đổi nguồn dữ liệu:

### **Tiêu chuẩn lao động**

Chúng tôi đã cập nhật chỉ báo này để đưa vào thêm nhiều nguồn dữ liệu so với cùng mục chỉ báo của Chỉ số năm 2016. Năm 2016, việc đánh giá bị hạn chế ở dữ liệu từ nguồn ILO và EIU. Trong phiên bản này, chúng tôi đã cân nhắc các nguồn bổ sung: Chỉ số Nô lệ Toàn cầu, Bộ Lao động Hoa Kỳ và báo cáo Doing Business của Ngân hàng Thế giới.

### **Các tiêu chuẩn môi trường trong thương mại**

Chúng tôi đã thay thế Thành viên của Nhóm Sáng kiến Hàng hóa Xanh trong chỉ số năm 2016 bằng quy ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển và Thải bỏ Chất thải Độc hại Xuyên Biên giới, Tu chính về quy định Cẩm.

### **Phát thải chuyển giao do thương mại**

Với những nghiên cứu mới từ Dự án Carbon Toàn cầu, chúng tôi đã cập nhật chỉ báo phát thải này để phản ánh khoảng cách giữa phát thải sản xuất và phát thải tiêu dùng.

### **Các nguồn dữ liệu**

Một nhóm các nhà nghiên cứu nội bộ đã thu thập dữ liệu chỉ số tháng 1 và tháng 2 năm 2018. Ngoài các dữ liệu độc quyền từ Economist Intelligence Unit, trong đó bao gồm một loạt các chỉ báo định lượng và định tính, chúng tôi cũng sử dụng các thông tin công khai sẵn có từ các nguồn chính thức, nếu phù hợp. Các nguồn dữ liệu chính bao gồm Ngân hàng Thế giới, UNESCO và nhiều nguồn khác (hãy tham khảo bảng sau).

CHỈ BÁO	ĐƠN VỊ	NGUỒN	MÔ TẢ
<b>Lĩnh vực kinh tế</b>			
1.1) Tăng trưởng GDP bình quân đầu người	%	EIU	Mức độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người so với cùng kỳ năm trước. Là một phương thức đánh giá thu nhập cá nhân, chỉ báo này phản ánh khả năng mua hàng hóa nhập khẩu của người tiêu dùng.
1.2) Tự do hóa tài khoản vãng lai	1-5 điểm	EIU	Thước đo tự do hóa tài khoản vãng lai của một quốc gia, cùng với các hạn chế trong lĩnh vực này được sử dụng để đánh giá mức độ dễ dàng trong quan hệ giao thương qua biên giới với quốc gia đó.
1.3) Rào cản thuế quan và phi thuế quan	1-5 điểm	EIU	Công cụ đánh giá về hàng rào thuế quan và hàng rào phi thuế quan bao gồm hạn ngạch thương mại, thủ tục cấp phép và kiểm tra hàng hóa nhập khẩu. Chỉ báo này là thước đo khái quát về những trở ngại khi hoạt động thương mại tại một quốc gia.
1.4) Biến động tỷ giá hối đoái	Độ lệch chuẩn theo tỷ lệ thương mại	EIU	Độ lệch chuẩn về tỷ giá hối đoái của một quốc gia so với đối tác thương mại lớn của quốc gia đó. Đây là một thước đo trọng số thương mại để phản ánh tầm quan trọng ngày càng tăng của biến động tỷ giá khi kim ngạch thương mại tăng lên. Khi được sử dụng như một chỉ báo, biến động tỷ giá hối đoái là một nguồn bất ổn tiềm ẩn khi tiến hành các hoạt động thương mại.
1.5) Chiều sâu hoạt động tài chính	% GDP	EIU	Tín dụng trong nước cho khu vực tư nhân, được tính bằng tỷ lệ phần trăm GDP. Chỉ báo này là một phương thức đánh giá tính khả dụng của nguồn tài chính thương mại để hạn chế tác động của biến động tỷ giá hối đoái.
1.6) Ngoại thương và rủi ro thanh toán	1-100 điểm	EIU	Thước đo đánh giá rủi ro của một công ty khi nhận tiền hoặc mang tiền vào hoặc đưa tiền ra khỏi một quốc gia. Chỉ báo này thể hiện các rủi ro khi tiến hành hoạt động thương mại, làm tăng rào cản thương mại đối với doanh nghiệp.
1.7) Tập trung vào thị trường xuất khẩu	Trung bình phần trăm	EIU	Tỷ trọng xuất khẩu của một quốc gia theo thị trường xuất khẩu, được tính là bình quân giá trị xuất khẩu của bốn đối tác thương mại hàng đầu của quốc gia đó. Chỉ báo này là thước đo mức độ tập trung thị trường xuất khẩu, bởi vì thị trường xuất khẩu tập trung càng cao thì hệ thống thương mại càng dễ bị tổn thương.
1.8) Tập trung vào sản phẩm xuất khẩu	Trung bình phần trăm	EIU	Tỷ trọng xuất khẩu của một quốc gia theo sản phẩm (trái ngược với thị trường xuất khẩu), được tính bình quân giá trị xuất khẩu của bốn sản phẩm xuất khẩu chủ đạo của quốc gia đó. Chỉ báo này đánh giá mức độ tập trung sản phẩm xuất khẩu, cho thấy dấu hiệu nền kinh tế dễ bị tổn thương nếu tập trung quá cao vào một số sản phẩm nhất định.
1.9) Đầu tư trực tiếp nước ngoài	% GDP	EIU	FDI trong nước là một phần cấu thành GDP. Chỉ báo này đánh giá nguồn vốn đầu tư hỗ trợ hoạt động thương mại và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của một quốc gia.
1.10) Tổng vốn cố định	% GDP	EIU	Tổng vốn đầu tư cố định trong nền kinh tế quốc gia. Cũng giống như FDI, tổng vốn đầu tư của một quốc gia thúc đẩy các hoạt động thương mại và tăng trưởng kinh tế.
1.11) Chi phí thương mại	0-100 điểm	EIU/Ngân hàng Thế giới	Thước đo tổng hợp của các yếu tố góp phần làm tăng chi phí cho hoạt động thương mại. Chỉ báo này thể hiện sự gia tăng gánh nặng đối với thương mại có nguyên nhân từ sự thiếu hiệu quả trong hệ thống thương mại.

1.12) Đổi mới công nghệ	% GDP	UNESCO/ Ngân hàng Thế giới	Một thước đo đầu tư của một quốc gia vào nghiên cứu và phát triển theo phần trăm tổng GDP. Chỉ báo này xem xét năng lực của một quốc gia trong việc đổi mới và tham gia vào hệ thống thương mại khi chuyển dịch hướng tới những sản phẩm phức tạp hơn.
1.13) Hạ tầng công nghệ	1-5 điểm	EIU	Thước đo cơ sở hạ tầng kỹ thuật của một quốc gia qua việc sử dụng viễn thông và máy vi tính. Chỉ báo này đánh giá cơ sở hạ tầng IT của một quốc gia để thu hút FDI và để có cơ sở hạ tầng cạnh tranh cho xuất khẩu.
1.14) Tăng trưởng lực lượng lao động	%	EIU	Sự thay đổi về lực lượng lao động của một quốc gia so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động có mức tăng ổn định hỗ trợ sự tăng trưởng kinh tế.
<b>Lĩnh vực xã hội</b>			
2.1) Bất bình đẳng	Hệ số GINI	Ngân hàng Thế giới/CIA	Từ Ngân hàng Thế giới: Chỉ số Gini đánh giá mức độ lệch khỏi phân bố công bằng tuyệt đối của việc phân chia thu nhập (hoặc, trong một số trường hợp là chi phí tiêu dùng) giữa các cá nhân hoặc hộ gia đình trong một nền kinh tế. Đường đồ thị Lorenz thể hiện phần trăm lũy kế tổng thu nhập nhận được so với lũy kế số người nhận, bắt đầu từ cá nhân hay hộ gia đình nghèo nhất. Chỉ số Gini đo khoảng cách giữa đường Lorenz và đường giả thiết công bằng tuyệt đối, thể hiện bằng phần trăm khu vực tối đa dưới đường đó. Chỉ số Gini bằng 0 cho thấy sự công bằng tuyệt đối, còn chỉ số 100 cho thấy sự bất công tuyệt đối.
2.2) Trình độ giáo dục	%	UNESCO/ Ngân hàng Thế giới	Tỷ lệ phần trăm các cá nhân được tiếp cận giáo dục sau phổ thông. Chỉ báo này là cơ sở đánh giá mức thành quả giáo dục đạt được, phản ánh mối quan hệ giữa vốn nhân lực và hoạt động thương mại.
2.3) Tiêu chuẩn lao động	0-4 điểm	Điểm tùy chỉnh EIU	Đánh giá định tính của EIU về tiêu chuẩn lao động dựa trên ba loại: lao động ép buộc, lao động trẻ em và quyền người lao động. Các nguồn bao gồm Chỉ số Nô lệ Toàn cầu; “Danh sách các Mật hàng Sản xuất bởi Lao động trẻ em hoặc Lao động ép buộc” của Bộ Lao động Hoa Kỳ; thống kê của ILO về mức độ thịnh hành lao động trẻ em; báo cáo Doing Business của Ngân hàng Thế giới; và Risk Briefing của EIU.
2.4) Ổn định chính trị	0-100 điểm	EIU	EIU đánh giá và cho điểm các quốc gia trong bảng xếp hạng căn cứ vào mức độ ổn định chính trị trong một năm cụ thể, từ đó cho thấy mối liên hệ giữa hoạt động thương mại và sự ổn định chính trị và xã hội trong một quốc gia.
<b>Lĩnh vực môi trường</b>			
3.1) Ô nhiễm không khí	0 đến giới hạn trên	Yale EPI	Mật độ vật chất dạng hạt 2,5 (PM 2,5) thể hiện tình trạng ô nhiễm không khí trong một quốc gia. Chỉ báo này nhấn mạnh mối liên hệ giữa tăng trưởng kinh tế, hoạt động thương mại và tình trạng ô nhiễm.
3.2) Phá rừng	Giới hạn dưới đến 0	Yale EPI	Sự thay đổi về độ che phủ của rừng của một quốc gia. Chỉ báo này đánh giá mức độ nghiêm trọng của nạn phá rừng ở một quốc gia theo thời gian, phản ánh mối liên hệ giữa tăng trưởng kinh tế, hoạt động thương mại và sự suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

3.3) Ô nhiễm nguồn nước	% nước thải qua xử lý	Yale EPI	Mức độ ô nhiễm nước ở một quốc gia. Chỉ báo này phản ánh mối liên hệ giữa tăng trưởng kinh tế, hoạt động thương mại và tình trạng ô nhiễm ở một quốc gia.
3.4) Tiêu chuẩn môi trường trong kinh doanh	1-7 điểm	EIU/WTO	<p>Điểm EIU dựa trên tư cách thành viên hoặc việc thông qua các thỏa thuận môi trường quốc tế.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Quy ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển và Thải bỏ Chất thải Độc hại Xuyên Biên giới, Tu chính về quy định Cấm.</li> <li>2) Quy ước Phòng tránh Ô nhiễm Biển do xả chất thải hoặc vật chất khác</li> <li>3) Quy Ước Bảo vệ Tầng Ôzôn</li> <li>4) Nghị định thư Kyoto tới Hội nghị Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu</li> <li>5) Hiệp định Gõ Quốc tế</li> <li>6) Hội nghị Thương mại Quốc tế về Các Loài Động Thực Vật Hoang Dã Đang Bị Đe Dọa</li> <li>7) Hội nghị Rotterdam về Quy trình Đồng thuận Được Thông Báo Trước đối với một số hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật nguy hại trong thương mại quốc tế</li> </ol>
3.5) Phát thải chuyển giao do thương mại	Tỷ lệ thực tổng phát thải từ sản xuất	Dự án Carbon Toàn cầu	Phát thải chuyển giao do thương mại là một phần của tổng lượng phát thải trong lãnh thổ một quốc gia (MtCO <sub>2</sub> ). Các quốc gia có ngành công nghiệp xuất khẩu bản góp phần vào mô hình thương mại toàn cầu kém bền vững.
3.6) Tỷ lệ tài nguyên thiên nhiên trong thương mại	%	UNCTAD Chỉ số Tập trung	Dữ liệu UNCTAD đánh giá các tài nguyên thiên nhiên (quặng và kim loại, nhiên liệu khoáng, dầu nhờn và các nguyên vật liệu có liên quan) như một phần của tổng thương mại của một quốc gia







**LONDON****20 Cabot Square****London****E14 4QW****United Kingdom****Tel: (44.20) 7576 8000****Fax: (44.20) 7576 8500****E-mail: london@eiu.com****NEW YORK****750 Third Avenue****5th Floor****New York, NY 10017, US****Tel: (1.212) 554 0600****Fax: (1.212) 586 0248****E-mail: newyork@eiu.com****HONG KONG****1301 Cityplaza Four****12 Taikoo Wan Rd****Taikoo Shing****Hong Kong****Tel: (852) 2585 3888****Fax: (852) 2802 7638****E-mail: hongkong@eiu.com****SINGAPORE****8 Cross Street****#23-01 Manulife Tower****Singapore 048424****Tel: (65) 6534 5177****Fax: (65) 6428 2630****E-mail: singapore@eiu.com****GENEVA****Rue de l'Athénée 32****1206 Geneva Switzerland****Tel: (41) 22 566 2470****Fax: (41) 22 346 9347****E-mail: geneva@eiu.com**